

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;

Căn cứ Quyết định số 1629/QĐ-TTg ngày 23/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 28/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 906a/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 1898a/SKHĐT-TH ngày 19/12/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019 cho các sở, ban ngành, các đơn vị trực thuộc UBND tỉnh, ~~UBND~~ các huyện, thành phố (chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ kế hoạch vốn được giao tại Điều 1 Quyết định này, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, các đơn vị trực thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố tiến hành phân bổ và giao nhiệm vụ cho các đơn vị trực thuộc; hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra các đơn vị triển khai thực hiện theo nhiệm vụ, mục tiêu kế hoạch năm 2019 và bảo đảm đúng quy định hiện hành của Nhà nước về việc sử dụng ngân sách Nhà nước trong đầu tư công.

2. Căn cứ kế hoạch vốn được phân cấp tại Quyết định này, UBND các huyện, thành phố trình HĐND cùng cấp quyết định danh mục dự án đầu tư kế hoạch năm 2019 đảm bảo các quy định tại Quyết định số 55/2015/QĐ-UBND ngày 15/12/2015 của UBND tỉnh ban hành quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà

nước của tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020 và các quy định hiện hành về phân bổ vốn đầu tư xây dựng cơ bản; tập trung bố trí vốn xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản, chỉ bố trí vốn khởi công mới cho các dự án thật sự cấp thiết, cấp bách. Sau khi phân khai danh mục dự án, các huyện, thành phố báo cáo Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính trước ngày 15/01/2019. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh trước ngày 31/01/2019.

3. Giao Sở Tài chính thông báo chuyển vốn sang Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi và bổ sung có mục tiêu cho đơn vị cấp dưới để thanh toán đối với các dự án theo quy định hiện hành của Nhà nước.

4. Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi quản lý, cấp phát, thanh toán vốn đầu tư theo quy định hiện hành và không được vượt tổng mức đầu tư, cơ cấu vốn từng dự án được duyệt và kế hoạch vốn được UBND tỉnh giao.

5. Cho phép sử dụng vốn bố trí thực hiện đầu tư để thanh toán chi phí chuẩn bị đầu tư trong cùng một dự án, trên cơ sở bảo đảm thủ tục đầu tư xây dựng theo quy định của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi và Thủ trưởng các sở, ban, ngành, các đơn vị trực thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị được giao kế hoạch vốn tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như Điều 4;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (báo cáo);
- Bộ Tài chính (báo cáo);
- Kiểm toán Nhà nước (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh,
- VP UB: PCVP, các phòng Ng/cứu,CBTH;
- Lưu: VT, THhtlvn375.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trần Ngọc Cảnh



**PHỤ LỤC TỔNG HỢP
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019**

(Kèm theo Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	NGUỒN VỐN	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
	Tổng cộng	5.289.440	
A	Vốn ngân sách địa phương	3.823.000	
I	Vốn cân đối theo tiêu chí, định mức	3.063.000	
1	Phân cấp cho các huyện thành phố	353.000	Phụ lục 1
2	Xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản (bao gồm bố trí trả nợ CTMTQG Giáo dục đào tạo) và bố trí trả nợ quyết toán	20.000	UBND tỉnh thống nhất TT HĐND tỉnh khi phân khai
3	Bố trí hoàn ứng và trả nợ ngân sách	148.750	Phụ lục 2 (Tổng KH2019 để hoàn ứng là 383,75 tỷ đồng)
4	Đối ứng các dự án ODA	30.000	Phụ lục 3
5	Chuẩn bị đầu tư	10.000	UBND tỉnh thống nhất TT HĐND tỉnh khi phân khai
6	Bố trí thực hiện chính sách khuyến khích đầu tư và tham gia dự án PPP	140.000	Phụ lục 4
7	Chương trình xây dựng nông thôn mới	250.000	Giao tại QĐ riêng
	- Trong đó: Bổ sung cho huyện Tư Nghĩa thực hiện Chương trình Nông thôn mới là 20 tỷ đồng, bổ sung cho huyện Sơn Tịnh thực hiện dự án cầu qua kênh chính Bắc, xã Tịnh Đông là 05 tỷ đồng	25.000	
	- Bố trí thực hiện Chương trình Nước sạch VSMINT	15.000	
8	Bố trí thực hiện Chương trình ATK	12.000	
9	Vốn bố trí cho các dự án	2.069.250	Phụ lục 5
	Trong đó: các dự án đang thực hiện (phần 9.1 và 9.2)	1.441.350	
9.1	Danh mục chuyển tiếp từ năm 2015 sang giai đoạn 2016 - 2020 (bao gồm các dự án phát sinh trả nợ khối lượng)	172.324	
9.2	Dự án đã khởi công mới trong 03 năm 2016 - 2018	1.269.026	
9.3	Dự án khởi công mới năm 2019	627.900	
10	Bố trí thực hiện dự án quy hoạch	30.000	UBND tỉnh phân khai sau khi có ND hướng dẫn của Chính phủ
II	Vốn Xổ số kiến thiết	85.000	Phụ lục 6
	- Bố trí thực hiện Chương trình Nông thôn mới	10.000	
	- Bố trí hoàn trả ứng trước	25.000	
	- Bố trí chuyển tiếp	41.900	
	- Bố trí khởi công mới	8.100	
III	Vốn quỹ đất (từ nguồn thu sử dụng đất)	675.000	Phụ lục 7
B	Vốn ngân sách Trung ương	1.466.440	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	652.936	
	Chương trình xây dựng Nông thôn mới	283.000	Giao tại QĐ riêng
	Chương trình giảm nghèo bền vững	369.936	Giao tại QĐ riêng
2	Chương trình mục tiêu	503.290	Giao theo Trung ương
	Trong đó: Thu hồi các khoản ứng trước	75.961	
3	Vốn trái phiếu Chính phủ	150.000	Giao theo Trung ương
4	Vốn nước ngoài	160.214	Giao theo Trung ương
	Trong đó: CTMT ứng phó biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh	48.178	

Phụ lục 1
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2019
PHÂN CẤP VỐN CHO CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ

Nguồn vốn: Cân đối ngân sách địa phương

(Kèm theo Quyết định số 10.000/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Đơn vị	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	353.000	
1	UBND huyện Bình Sơn	29.266	
2	UBND huyện Sơn Tịnh	19.417	
3	UBND thành phố Quảng Ngãi	94.706	
4	UBND huyện Tư Nghĩa	23.738	
5	UBND huyện Mộ Đức	24.545	
6	UBND huyện Đức Phổ	26.450	
7	UBND huyện Nghĩa Hành	18.226	
8	UBND huyện Minh Long	9.613	
9	UBND huyện Ba Tư	26.516	
10	UBND huyện Sơn Hà	26.468	
11	UBND huyện Sơn Tây	14.677	
12	UBND huyện Trà Bồng	14.857	
13	UBND huyện Tây Trà	13.891	
14	UBND huyện Lý Sơn	10.630	

Ghi chú: Các huyện, thành phố phải bố trí tối thiểu 30% cho xây dựng nông thôn mới; 20% cho Giáo dục - Đào tạo.

Phụ lục 2
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019

Hoàn ứng và trả nợ ngân sách

Nguồn vốn: Cân đối ngân sách địa phương

(Kèm theo Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: triệu đồng



TT	TÊN DỰ ÁN	Đơn vị giao kế hoạch	Kế hoạch vốn trung hạn 2016 - 2020 NSDP điều chỉnh	Đã bố trí trong giai đoạn 2016 - 2018	Kế hoạch 2019	Ghi chú
	Tổng cộng		909.833	545.563	148.750	
I	Hoàn trả các khoản ứng trước ngân sách tỉnh		523.563	341.813	100.000	
I.a	Phân Sứ Ngành		468.263	323.463	64.800	
	Sở Giao thông vận tải		223.226	123.226	50.000	
1	Đường bờ Nam sông Trà Khúc	BQL Dự án ĐTXD công trình Giao thông tỉnh	100.000	-	50.000	
	Sở Nông nghiệp và PTNT		22.500	7.700	14.800	
2	Đường vào cảng cá Lý Sơn	Sở NN và PTNT	4.800	-	4.800	
3	Sửa chữa, nâng cấp Hồ chứa nước Cây Bứa	Sở NN và PTNT	10.000	-	10.000	
I.b	UBND các huyện, TP		55.300	18.350	35.200	
	UBND huyện Tư Nghĩa		3.600	-	3.600	
4	Hỗ trợ công trình Đường ống dẫn nước từ HCN Hóc Xoài về Hồ Hồ Tạc và Hồ Tre, Tư Nghĩa	UBND huyện Tư Nghĩa	3.600	-	3.600	
	UBND huyện Nghĩa Hành		13.000	-	13.000	
5	Hỗ trợ công trình Cầu Suối Rau, tuyến ĐH57 (ĐT.624- Dốc Nhảy)	UBND huyện Nghĩa Hành	8.000	-	8.000	
6	Nâng cấp Đập Đồng Thét	UBND huyện Nghĩa Hành	5.000	-	5.000	
	UBND huyện Sơn Hà		21.000	5.000	14.250	
7	Tuyến đường Sơn Thượng - Sơn Tinh	UBND huyện Sơn Hà	8.000	-	6.250	

TT	TÊN DỰ ÁN	Đơn vị giao kế hoạch	Kế hoạch vốn trung hạn 2016 - 2020 NSDP điều chỉnh	Đã bố trí trong giai đoạn 2016 - 2018	Kế hoạch 2019	Ghi chú
8	Tuyến đường ĐH - Làng Trá	UBND huyện Sơn Hà	8.000	-	8.000	
	UBND huyện Lý Sơn		4.350	-	4.350	
9	Hỗ trợ công trình Nhà văn hóa thể thao An Hải, Lý Sơn	UBND huyện Lý Sơn	4.350	-	4.350	
II	Trả nợ vay tín dụng ưu đãi (bố trí năm 2016 và 2018)		203.750	203.750		
III	Bổ sung trung hạn để hoàn trả ứng trước (các khoản ứng chưa có KH trung hạn)		182.520	-	48.750	
1	Bổ sung trả nợ gốc		87.000	-	48.750	

- Ghi chú: Tổng kế hoạch vốn năm 2019 để hoàn trả ứng trước là 383,75 tỷ đồng, bao gồm: Danh mục tại phụ lục này là 148,75 tỷ đồng, Chương trình Nông thôn mới là 50 tỷ đồng; dự án thành phần II đoạn Bình Long - cảng Dung Quất (giai đoạn 2) là 20 tỷ đồng; dự án Dự án Cầu Trà Bồng là 10 tỷ đồng; dự án cầu Thạch Bích là 100 tỷ đồng; dự án Khu nghĩa địa tập trung huyện Lý Sơn là 30 tỷ đồng; Bệnh viện Sản - Nhi là 25 tỷ đồng.

56

Phụ lục 3

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019

Nguồn vốn: Ngân sách địa phương đối ứng các dự án ODA

(Kèm theo Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 19/11/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Mã dự án	TỔNG SỐ			Lấy từ VDU đã bố trí đến hết 2015	Kế hoạch VDU giai đoạn 2016-2020 sau khi điều chỉnh, bổ sung	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú			
						Chính phủ giao KH các năm									
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn ODA	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
TỔNG SỐ						2.398.183	430.874	1.967.309	49.321	235.000	30.000				
I NGÀNH NÔNG NGHIỆP, GIÀM NGHÈO						1.661.211	224.135	1.437.076	28.486	129.340	17.930				
1	Khôi phục và Quản lý rừng bền vững KFW6	Nghĩa Hành, Đức Phổ, Tư Nghĩa	Thiết lập 3.800 ha rừng; Quản lý 1.012 ha rừng cộng đồng	2004-2015	1165/QĐ-BNN-HTQT, S/S/2010; 720/QĐ-UBND, 17/5/2012	53.791	20.494	33.297	19.252	540					
2	Giảm nghèo bền vững khu vực Tây Nguyên - tỉnh Quảng Ngãi	Sơn Hà, Sơn Tây, Ba To	Phát triển CSHT cấp xã, thôn, bản; Phát triển sinh kế bền vững; Nâng cao năng lực	2014-2018	1534/QĐ-UBND, 23/10/2013	337.818	18.477	319.341	6.059	12.418	1.574				
3	Phục hồi và Quản lý bền vững rừng phòng hộ	Ba To, Tây Trà, Sơn Hà, Sơn Tây	Trồng mới 2.800 ha; Bảo vệ 3.200 ha; Khoanh nuôi 3.300 ha; 80 km đường	2012-2021	1417/QĐ-UBND, 26/9/2012; 1658/QĐ-UBND, 06/9/2017	201.986	24.845	177.141	3.175	21.282	1.256				
4	Dự án Quản lý thiên tai (WBS)			2013-2018		292.581	66.834	225.747		28.325	5.000				
<i>Trong đó</i>															
4.1	TDA đầu tư xây dựng công trình Đập Đức Lợi thuộc dự án Quản lý thiên tai WBS	Mộ Đức	Đập dài 60m gồm 12 khoang; 73,5 m cầu, đường dẫn 288m	2013-2016	2113/QĐ-UBND, 30/12/2013	66.619	14.452	52.167	5.817	325					
4.2	TDA Công neo trú tàu thuyền và còi biển Mỹ Á (giai đoạn II)	Đức Phổ	Kè dài thêm 565m để và nhiều hạng mục khác	2013-2017	2200/QĐ-UBND, 31/12/2013	185.132	48.299	136.833	5.311	24.000	5.000				
4.3	TDA Hợp phần 3 "Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng"	10 xã thuộc 3 huyện Mộ Đức, Đức Phổ, Nghĩa Hành	Xây dựng 10 công trình quy mô nhỏ, đào tạo, tập huấn	2015-2018	2021/QĐ-UBND, 11/11/2015	40.830	4.083	36.747		4.000					

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành			Lấy kế VDU đã bố trí đến hết 2015	Kế hoạch VDU giai đoạn 2016-2020 sau khi điều chỉnh, bổ sung	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
					TMĐT						
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)				
5	Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WBS)	Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Mộ Đức, Nghĩa Hành, Đức Phổ	Nâng cấp, sửa chữa các hồ chứa nước xuống cấp	2016-2022	4638/QĐ-BNN-HTQT, 09/11/2015	337.725	17.775	319.950	17.775	8.100	
Trong đó:											
5.1	TDA Sửa chữa, nâng cấp bảo đảm an toàn hồ chứa nước Đập Lãng	Huyện Nghĩa Hành	146,5m	2016-2017	546/QĐ-UBND, 04/4/2016	29.139	8.641	20.498	.	6.481	.
5.2	TDA Sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh Quảng Ngãi (giai đoạn 1)	Các huyện	Nâng cấp, sửa chữa 10 hồ chứa nước	2017-2020	912/QĐ-UBND, 11/6/2018	169.993	21.307	148.686	.	11.224	8.000
5.3	TDA Sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh Quảng Ngãi (giai đoạn 2)	Các huyện	Nâng cấp, sửa chữa 08 hồ chứa nước	2018-2022	Đang trình phê duyệt	50	100
6	Khắc phục thảm họa hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung - tỉnh Quảng Ngãi	Các huyện	Đa mục tiêu	2017-2020	542/QĐ-UBND, 29/3/2017	437.310	75.710	361.600	.	40.000	2.000
7	Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM)	06 huyện miền núi	Đa mục tiêu	2018-2020	Chưa phê duyệt
8	Phục hồi và quản lý bền vững rừng khu vực miền Trung và miền Bắc Việt Nam giai đoạn I	Các huyện	Đa mục tiêu	2018-2020	Chưa phê duyệt
II NGÀNH Y TẾ						119.130	31.297	87.833	.	25.030	.
9	Hỗ trợ xử lý chất thải bệnh viện					119.130	31.297	87.833	.	25.000	.
Trong đó:											
9.1	Hỗ trợ xử lý chất thải Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi	BVK tỉnh	800 m3/ ngày đêm	2016-2017	1967/QĐ-UBND, 30/10/2015	29.199	4.593	24.606	.	3.000	.
9.2	Hỗ trợ đầu tư khu xử lý chất thải y tế nguy hại tập trung tỉnh Quảng Ngãi	Xã Hành Dũng	800 kg rác/ ngày	2016-2018	1592/QĐ-UBND, 31/8/2016	89.931	26.704	63.227	.	22.000	.
10	An ninh và tế khu vực Tiểu vùng Mê Công mở rộng	Các huyện TP	Hệ thống năng lực xét nghiệm nhiễm khuẩn; nâng cao năng lực	2016-2021		30	.
11	Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở	Các huyện	Đa mục tiêu	2019-2024	
III NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO						158.707	50.445	108.262	20.835	26.860	700

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC, HT	QĐ đầu tư hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao KH các năm			Lấy kế VBU đã bố trí đến hết 2015	Kế hoạch VBU giai đoạn 2016-2020 sau khi điều chỉnh, bổ sung	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
							Vốn đối ứng					Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)
12	Trường Cao đẳng nghề Việt Nam-Hàn Quốc-Quảng Ngãi	TP Quảng Ngãi	1.000-1.200 SV/năm	2008-2018	2031/QĐ-UBND ngày 14/9/2007; 965/QĐ-UBND ngày 12/6/2015; 1896/QĐ-UBND ngày 13/10/2016	130.107	43.845	86.262	20.835	21.360	-	
13	Giáo dục trung học phổ thông nhất (giai đoạn 2)	Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Mộ Đức	6 trường THCS	2015-2018	960/QĐ-UBND ngày 12/6/2015	28.600	6.600	22.000	-	5.500	700	
IV	NGÀNH TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG					107.000	18.250	88.750	-	5.000	1.370	
14	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai (VILG)	Sở Tài nguyên và Môi trường	08 huyện, thành phố	2017-2022	2190/QĐ-UBND ngày 16/11/2016	107.000	18.250	88.750	-	5.000	1.370	
V	CHƯƠNG TRÌNH ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ TĂNG TRƯỞNG XANH					352.135	106.747	245.388	-	37.770	5.000	
15	Trồng rừng ngập mặn ven biển các xã Bình Phước, Bình Đông, Bình Dương huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	Các xã: Bình Phước, Bình Đông, Bình Trì, huyện Bình Sơn	107.448 ha	2015-2019	1369/QĐ-UBND ngày 12/8/2015	21.077	2.044	19.033	-	-	-	
16	Xây dựng hệ thống đê bao nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, phát triển hạ tầng khu vực xã Tịnh Kỳ và phía Đông huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi	TP Quảng Ngãi	Xây dựng mới tuyến đê, kè với chiều dài 3.574,8m	2015-2017	1370/QĐ-UBND ngày 13/8/2015	184.903	54.903	130.000	-	32.770	-	
17	Xây dựng tuyến đê biển thôn Thạnh Đức, xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	Huyện Đức Phổ	2.420m đê và kè	2018-2020	1573/QĐ-UBND ngày 17/9/2018	146.155	49.800	96.355	-	5.000	5.000	
VI	Dự phòng trả nợ công trình hoàn thành và các dự án khác					-	-	-	-	20.000	5.000	

Phụ lục 4

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019

Danh mục dự án sử dụng vốn Khuyến khích đầu tư và tham gia dự án PPP

Nguồn vốn: Cân đối ngân sách địa phương

(Kèm theo Quyết định số 130/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	TÊN DỰ ÁN	Chủ đầu tư	Đơn vị đầu tư	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 theo chính	Lấy kế vốn để giao đến hết năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú	
				Số Quyết định	Tổng mức đầu tư					
	Tổng cộng				263.722	263.722	-	20.596	140.000	
I	Dự án chuyển tiếp				220.722	220.722	-	20.596	125.000	
1	Khu liên hợp thể dục thể thao tỉnh	BQL DA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	TPQN	1919/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	111.736	111.736		3.000	20.000	
2	ĐTXD tuyến đường Phan Bội Châu nối dài	UBND TP Quảng Ngãi	TPQN	2594/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	20.000	20.000		596.304	10.000	Thực hiện điều chỉnh dự án, Chỉ đầu tư theo CV 7463/UBND-CNXD ngày 07/12/2018
3	Tuyến đường nối từ đường ĐT.623B vào khu vực dự án Khu sinh thái, nghỉ dưỡng tầm bìn Sưởi nước nóng Nghĩa Thuận.	BQLDA Đầu tư Xây dựng các công trình giao thông	Tư Nghĩa	2010/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	69.986	69.986		10.000	15.000	
4	Đường vào vùng lõi trang trại bò sữa Vinamilk	UBND huyện Mộ Đức	Mộ Đức		19.000	19.000		7.000	7.000	HTMT cho NS huyện
5	Còn lại bố trí cho các mục tiêu khác								73.000	UBND tỉnh thống nhất TT HĐND tỉnh khi phân khai
II	Dự án khởi công mới năm 2019				45.000	45.000	-	-	15.000	
1	Đường vào nhà máy xử lý rác Đống Nà	UBND thành phố Quảng Ngãi	TPQN	1928/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	45.000	45.000		-	15.000	



64

Phụ lục 5
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019

Danh mục dự án triển khai thực hiện

Ngân sách vốn: Các đối ngân sách địa phương

(Kèm theo Kế hoạch số 19/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	TÊN DỰ ÁN	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Mô hình tài trợ	Năm thực hiện	Số quyết định đầu tư	Quy định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí đến năm 2015	Vốn trung hạn NSDP 2016 - 2020 điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn đã giao 03 năm 2016 - 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
							Tổng mức đầu tư	Trung tâm Ngân sách địa phương					
	TỔNG CỘNG						16.132.507	8.546.497	308.364	6.169.893	2.899.460	2.069.250	
A	Danh mục chuyển tiếp từ năm 2015 sang giai đoạn 2016 - 2020						3.993.891	1.211.921	382.964	741.117	491.440	172.324	
	Phân bổ, hoa, ngành						3.275.092	670.097	223.523	431.817	240.646	133.824	
	Nông nghiệp và PTNT						685.402	230.790	83.060	116.009	76.500	21.589	
1	Tiểu cầu, thoát lũ, chống sạt lở vùng hạ lưu sông Thao	Cty TNHH MTV KTCTTL	Mộ Đức, Đức Phổ, Nghĩa Hành	100km	2011-2015	527/QĐ-UBND, 31/3/2009	338.000	67.600	48.000	13.589	11.000	2.589	
2	Đê kè Hòa Hà	BQL dự án ĐTXD các công trình nông nghiệp và PTNT tỉnh	Tư Nghĩa	4.982m đê	2010-2015	1691/QĐ-UBND, 30/10/2009; 784/QĐ-UBND, 3/6/2011	168.407	84.204	20.000	27.500	12.500	7.000	Điều chỉnh quy mô dự án
3	Tiểu cầu, thoát lũ khu công nghiệp VSIP Quảng Ngãi giới	BQL dự án ĐTXD các công trình nông nghiệp và PTNT tỉnh	Sơn Tịnh	Chiều dài kè 2.563 m	2015-2018	462/QĐ-UBND, 06/4/2015	48.995	48.995	15.060	23.000	23.000	2.000	
4	Bổ trí thực hiện chương trình bảo vệ và phát triển rừng	Sở NN&PTNT	Toàn tỉnh		2016-2020		50.000	50.000		50.000	30.000	10.000	
	Văn hóa, Thể thao và Du lịch						255.719	190.763	80.813	99.528	79.181	12.000	

TT	TÊN DỰ ÁN	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lấy số vốn đầu tư dự kiến năm 2015	Vốn trung hạn NSRP 2016 - 2020 đầu tư	Kế hoạch trung hạn đầu tư giai đoạn 2016 - 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
						Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trang chi: Ngân sách địa phương					
5	Đường bờ Đông sông Kinh Giang (nối dài) thuộc hạ tầng KDL Mỹ Khê	BQL Dự án ĐTXD các công trình DD và CN tỉnh	TP. Quảng Ngãi	350km	2012-2017	1621/QĐ-UBND, 16/11/2010	83.298	55.998	44.562	13.128	3.781	4.000	
6	Đường trục chính Khu du lịch Sa Huỳnh (nối dài)	BQL Dự án ĐTXD các công trình DD và CN tỉnh	Đức Phổ	4,2 km	2013-2018	1604/QĐ-UBND 30/10/2011; 1721/QĐ-UBND, 8/11/2012	117.147	79.891	27.451	43.400	36.400	6.000	
7	Xây dựng Nhà huyện tập thể đầu tư năng tỉnh	BQL Dự án ĐTXD các công trình DD và CN tỉnh	TP Quảng Ngãi	9.440m2	2015-2019	1668/QĐ-UBND 25/9/2015	55.274	55.274	8.000	43.000	39.000	2.000	
Tỉnh Đoàn							89.201	39.193	12.500	23.000	15.000	4.000	
8	Trung tâm hoạt động thanh thiếu niên tỉnh Quảng Ngãi	Tỉnh đoàn	TP. Quảng Ngãi	Nhà 1.889m2 và nhiều	2013-2018	3617/QĐ/TWBT N 22/10/2012	89.201	39.193	12.500	23.000	15.000	4.000	
Ban quản lý KKT Dung Quất							2.245.428	110.000	5.000	160.000	47.000	88.000	
9	Dự án thành phần II đoạn Bình Long - công Dung Quất (giai đoạn 2)	BQL KKT Dung Quất và các KCN tỉnh	Bình Sơn	9 km	2013-2017	117/QĐ-BQL ngày 21/3/2006, 629/QĐ-BQL ngày 23/9/2008	446.978	20.000	-	20.000	-	20.000	KH2019 hoàn ứng 20 tỷ đồng
10	Xây dựng đường giao thông trục chính nối Trung tâm phía Bắc và phía Nam đô thị Vạn Tường	BQL KKT Dung Quất và các KCN tỉnh	Bình Sơn	9,644 km	2014-2018	1448/QĐ-UBND ngày 30/9/2011	397.712	20.000	5.000	20.000	-	15.000	

TT	TÊN DỰ ÁN	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lấy số vốn 06 bổ trợ đầu năm 2015	Vốn trung hạn NĐBP 2016 - 2030 điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn 06 giai 03 năm 2016 - 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
						Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trung tâm Ngân sách địa phương					
11	Dự án Cầu Trà Bông (tên tuyến Dốc Sỏi - Dung Quất)	BQL KKT Dung Quất và các KCN tỉnh	Bình Sơn	450 m	2014-2017	1605/QĐ-UBND, 31/10/2013	287.461	30.000	.	30.000	17.000	13.000	KH2019 hoàn ứng 10 tỷ đồng
12	Đường Trì Bình - Cảng Dung Quất (giai đoạn 1)	BQL KKT Dung Quất và các KCN tỉnh	Bình Sơn	6,257km	2014-2018	648/QĐ-UBND 29/4/2014	1.113.277	40.000		90.000	30.000	40.000	
	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh						35.110	35.110	12.700	24.000	15.000	7.000	
13	Rừng phòng hộ cảnh quan môi trường Lý Sơn	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	Lý Sơn	Trồng 107,28 ha rừng	2011-2017	966/QĐ-UBND, 8/7/2011	20.110	20.110	12.700	10.000	6.000	2.000	Điều chỉnh tăng TMBT
14	Ban chỉ huy quân sự huyện Sơn Tịnh (mới) - phần bồi thường gomb	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	Sơn Tịnh	Bồi thường, GPMB 3,11 ha	2016-2019	1809/QĐ-BQP ngày 21/5/2015	15.000	15.000		14.000	9.000	5.000	
	Công ty TNHH MTV Đầu tư xây dựng và Kinh doanh dịch vụ tỉnh Quảng Ngãi						44.233	44.233	30.250	9.200	7.965	1.235	
15	Chỉnh trang mặt tiền KCN Tinh Phong (hạng mục Nâng cấp tuyến đường số 7 kết nối vào đường gom KCN VSEP)	QISC	Sơn Tịnh	1,547km	2014-2016	1576/QĐ-UBND, 30/10/2013	44.233	44.233	30.250	9.200	7.965	1.235	
	UBND các huyện, TP						658.793	519.791	137.441	292.300	250.794	21.500	
	UBND huyện Sơn Tịnh						366.877	346.877	70.000	200.000	183.000	10.000	
	Khu chính trị - hành chính huyện Sơn Tịnh (mới)	UBND huyện Sơn Tịnh	Sơn Tịnh	5 ha	2014-2018	1612/QĐ-UBND, 30/10/2014	173.015	173.015	40.000	100.000	92.000		Đang quyết toán dự án
16	Đường trục chính trung tâm Nam - Bắc thị trấn Sơn Tịnh (mới)	UBND huyện Sơn Tịnh	Sơn Tịnh	Chiều dài đường 1.473,08 m	2014-2019	1602/QĐ-UBND, 30/10/2014	193.862	173.862	30.000	100.000	90.000	10.000	
	UBND huyện Mộ Đức						35.601	35.601	16.291	17.000	15.050		

TT	TÊN DỰ ÁN	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lấy lãi vốn đã bỏ trị giá năm 2015	Vốn trung hạn NSRP 2016 - 2020 đầu chính	Kế hoạch trung hạn đầu giai 03 năm 2016 - 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
						Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trung bình Ngân sách địa phương					
	Nhà làm việc Huyện ủy Mỹ Đức	Huyện ủy Mỹ Đức	Mỹ Đức	Nhà làm việc 3 tầng, dt sàn 1.800 m ² ; hội trường 350 chỗ	2014-2017	138/QĐ-UBND, 20/9/2012	35.601	35.601	16.291	17.000	15.050		Hoàn thành, đang thực hiện Quyết toán dự án
	UBND huyện Đức Phổ						44.577	44.577	28.000	15.000	13.000	500	
17	Trường THPT Lương Thế Vinh, Đức Phổ	UBND huyện Đức Phổ	Đức Phổ	45 lớp, 2.600 học sinh; 6135m ² sân		92/QĐ-UBND, 16/01/2012	44.577	44.577	28.000	15.000	13.000	500	
18	UBND huyện Nghĩa Hành						18.502	18.502	8.150	8.300	2.244	6.000	
19	Hồ chứa nước Hồ Số	UBND huyện Nghĩa Hành	Nghĩa Hành	Chiều dài kênh 3.000 m	2014-2016	1342/QĐ-UBND, 19/9/2014	18.502	18.502	8.150	8.300	2.244	6.000	Chậm tiến độ
	UBND huyện Sơn Hà						44.484	44.484	15.000	26.000	16.500	5.000	
20	Đường Nghĩa trung liệt sỹ - Nước Rục	UBND huyện Sơn Hà	Sơn Hà	472m	2015-2017	1434/QĐ-UBND, 30/9/2011	44.484	44.484	15.000	26.000	16.500	5.000	
	UBND huyện Lý Sơn						148.752	29.750	-	26.000	22.000	-	
	Nâng cấp tuyến đường Cửa An Vĩnh-Ra đả lèn xã huyện Lý Sơn	UBND huyện Lý Sơn	Lý Sơn	7.063,27 m	2015-2019	1606/QĐ-UBND 30/10/2014	148.752	29.750	-	26.000	22.000	-	Giảm kinh phí bởi thưởng và giảm trừ theo KL kiểm toán
	UBND huyện Đức Phổ						60.006	22.033	22.000	17.000	-	17.000	
21	Hồ chứa nước Cây Xôi	UBND huyện Đức Phổ	Đức Phổ	Tuổi 70ha, cấp nước SH 900m ³ /h/gđ		1732/QĐ-UBND ngày 21/11/2014	60.006	22.033	22.000	17.000	-	17.000	Điều chỉnh tăng TMDT
B	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020						12.138.616	7.334.536	5.300	5.428.776	1.608.020	1.896.926	

TT	TÊN DỰ ÁN	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lý do vào dự án dự kiến năm 2015	Vốn trong hạn MPPP 2016 - 2020 theo chính	Kế hoạch trong hạn dự kiến năm 2016 - 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
						Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trang chi Nghĩa vụ xã hội phường					
1	Dự án đầu tư xây dựng mới trong 03 năm 2016 - 2018						8.476.315	4.574.635	5.300	3.348.451	1.483.720	1.269.026	
	Phần 08, hạ tầng, ngành						5.697.319	3.181.344	5.300	1.880.581	604.078	590.036	
	Giao thông vận tải						3.348.136	864.290	190	963.091	194.961	343.000	
1	Cảng Bến Đỉnh	BQL Dự án ĐTXD công trình Giao thông tỉnh	Lý Sơn	Tàu 1000DW T và thu 200 ghế	2016-2020	081/QĐ-UBND ngày 04/5/2018	256.796	126.796	150	100.000	83.000	17.000	
2	Đường tỉnh 18, cầu bê tông, cầu thép các huyện vùng Tây Quảng Ngãi (đoạn km0-km22+336)	BQL Dự án ĐTXD công trình Giao thông tỉnh	Ba Tơ, Minh Long, Sơn Hà	Đường cấp VI miền núi; 22,336km.	2016-2017	926/QĐ-UBND ngày 19/5/2017	150.000	150.000	-	100.000	30.000	35.000	
3	Nâng cấp, mở rộng ĐT.623 (Sơn Hà - Sơn Tây), đoạn Km26-Km27 (nhổ cầu đường Đông Trường Sơn)	BQL Dự án ĐTXD công trình Giao thông tỉnh	Sơn Tây	1km; Cấp V, miền núi	2017-2019	2140/QĐ-UBND, 31/10/2016	25.000	25.000		23.001	19.261	3.000	
4	Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh Quảng Ngãi-Chợ Chín	BQL Dự án ĐTXD công trình Giao thông tỉnh	Tư Nghĩa, Nghĩa Hành	5km, Cấp III công bình	2017-2021	2088/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	146.978	10.000		60.000	30.000	20.000	
5	Cầu Cầu Đại	BQL Dự án ĐTXD công trình Giao thông tỉnh	TP. Quảng Ngãi	Tổng chiều dài 2,5km	2017-2021	468/QĐ-UBND, 20/3/2017	2.250.000	40.000		500.000	16.000	200.000	
7	Nâng cấp tuyến đường ĐT.624B (Quần Lát - đê Chát), từ KM0-KM8	BQL Dự án ĐTXD công trình Giao thông tỉnh	Mộ Đức	8km	2018-2022		100.000	100.000		30.000	8.300	12.000	Vốn đầu tư 2016 - 2018 chưa bao gồm 20 tỷ đồng vượt thu 2017

TT	TÊN DỰ ÁN	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Mạng lưới chất lượng	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lập kế hoạch đầu tư năm 2015	Vốn trung hạn NSRF 2016 - 2020 đầu chính	Kế hoạch trung hạn đầu giai 03 năm 2016 - 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
						Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trọng điểm Ngân sách địa phương					
8	Nâng cấp, mở rộng tuyến ĐT.621B (Quảng Ngãi - Thạch Nham), giai đoạn 2	BQL Dự án ĐTXD công trình Giao thông tỉnh	Tu Nghĩa, TP. Quảng Ngãi	Đường cấp IV công bình. L=6,8Km	2016-2022	2003/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	167.362	167.362		40.000	8.400	16.000	Vốn đầu tư 2016 - 2018 chưa bao gồm 30 tỷ đồng vượt thu 2017
	Đập dâng hạ lưu sông Trà Khúc	BQLDA Đầu tư Xây dựng các công trình giao thông	TPQN	Đập dâng 893m; cầu giao thông dài 1.125m	2018-2021	1994/QĐ-UBND ngày 27/10/2017	1.498.000	1.498.000		150.000			
9	Cầu Sông Rin	BQLDA Đầu tư Xây dựng các công trình giao thông	Sơn Hà	3.561km, trong đó: cầu sông Rin dài 319m	2018-2021	1680/QĐ-UBND ngày 09/10/2018	245.000	245.000		130.000		40.000	Chưa tính 80 tỷ đồng bổ trợ năm 2018 từ nguồn vượt thu
	Nông nghiệp và PTNT						317.993	249.993	-	199.999	61.641	52.899	
10	Chống ngập úng Khu công nghiệp VSIP Quảng Ngãi đoạn qua kênh B10 và khu vực lân cận	Cy TNHH MTV KTCCTL	Sơn Tịnh	Nâng cấp 2km, mới 2,4km kênh tiêu	2016-2017	2029/QĐ-UBND ngày 25/10/2016	30.000	30.000		12.000	7.041	4.959	
11	Sửa chữa, nâng cấp đập dâng đầu mối và kiến cố Kênh sông Giang, huyện Sơn Tịnh	BQL ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh	Sơn Tịnh	4000m; 900ha	2016-2017	1295/QĐ-UBND ngày 13/7/2017	14.998	14.998		10.000	8.000	2.000	

TT	TÊN DỰ ÁN	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lấy lãi vốn đã trả tới năm 2015	Vốn trong hạn NSRF 2014 - 2020 đầu chính	Kế hoạch trong hạn đầu giai 03 năm 2016 - 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
						Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trung tâm Nghiên cứu địa phương					
12	Các tuyến ô tô huyện Bình Sơn: Đập ngăn mặn Tại Bông	BQL dự án ĐTXD các công trình nông nghiệp và PTNT tỉnh	Bình Sơn	1,6m	2018-2020	556/QĐ-UBND, 31/3/2017	170.000	102.000		65.000	30.000	20.000	Triển khai 02 giai đoạn ngay trong 2016-2020; đã bổ sung 20 tỷ đồng từ ngoài thu Tập đoàn Hòa Phát
13	Sửa chữa các nhà kho chứa lương sản phẩm Trại giống cây nông nghiệp Đức Hiệp	BQL dự án ĐTXD các công trình nông nghiệp và PTNT tỉnh	Mộ Đức		2018	3260/QĐ-SXD ngày 25/10/2017	3.000	3.000		2.500	2.100	400	
14	Đập ngăn mặn Bình Nguyên và Bình Phước	BQL Dự án ĐTXD các công trình NN và PTNT	Bình Sơn	Dài 300m	2018-2020	2012/QĐ-UBND ngày 31/3/2017	99.995	99.995		70.000	14.500	25.500	
	BQL Đầu tư và Công nghiệp						1.113.137	306.106	5.000	244.700	143.550	58.950	
15	Trường THPT LA Trưng Đình - Đền bà GPMB; xây dựng 12 phòng học, hội trường (gói đơn 2)	BQL Dự án ĐTXD các công trình DD và CN tỉnh	TP. Quảng Ngãi	2.001 m2 sàn	2016-2018	21/QĐ-UBND, 12/01/2016	25.014	25.014	-	22.500	12.750	4.750	
16	Trường GD trẻ khuyết tật - GPMB; XD nhà hiệu bộ, tường rào	BQL Dự án ĐTXD các công trình DD và CN tỉnh	TP. Quảng Ngãi	711 m2 sàn	2017	544/QĐ-SXD ngày 02/3/2017	7.197	7.197		7.000	4.000	2.000	

TT	TÊN DỰ ÁN	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Tổng hợp thành tích	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lấy số vốn để bổ trợ đầu năm 2015	Vốn trung hạn 2014 - 2020 (theo chính)	Kế hoạch trung hạn 05 năm 2016 - 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
						Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trọng điểm Ngân sách địa phương					
17	Trường THPT Chu Văn An - Nhà lớp học 10 phòng 2 tầng	BQL Dự án BTXD các công trình DD và CN tỉnh	Tu Nghĩa	946 m2 năm	2017-2018	892/QĐ-SXD ngày 31/3/2017	7.215	7.215		6.000	4.800	1.200	
18	Trường THPT số 1 Tu Nghĩa - Cải tạo mở rộng khu hiệu bộ; xây dựng trường rào, công nghệ phía Đông.	BQL Dự án BTXD các công trình DD và CN tỉnh	Tu Nghĩa	956 m2 năm	2017-2018	424/QĐ-SXD, 21/2/2017	7.200	7.200		7.000	6.000	1.000	
19	Trường THCS DTNT Tây Trà - Đầu tư mở rộng diện tích; xây dựng nhà học bộ môn; nhà công vụ giáo viên 06 phòng.	BQL Dự án BTXD các công trình DD và CN tỉnh	Tây Trà	834 m2 năm	2017-2018	755/QĐ-SXD, 24/3/2017	10.000	10.000		9.000	8.000	1.000	
20	Trường THPT Lê Quý Đôn - Nhà lớp học 8 phòng 2 tầng	BQL Dự án BTXD các công trình DD và CN tỉnh	Bình Sơn	761 m2 năm	2017	471/QĐ-SXD, 23/12/2016	5.693	5.693		5.000	4.000	1.000	
21	Trung tâm thông tin triển lãm tỉnh Quảng Ngãi	BQL Dự án BTXD các công trình DD và CN tỉnh	TP Quảng Ngãi	Khởi nhả chính 1.500m2	2017-2019	2033/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	27.000	27.000		20.000	800	8.000	

TT	TÊN DỰ ÁN	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí đến năm 2015	Vốn trung hạn NSDP 2016 - 2020 điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn đã giao 03 năm 2016 - 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
						Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách địa phương					
	Hệ thống Khu du lịch Mỹ Khê	BQL Dự án ĐTXD các công trình DD và CN tỉnh	TP Quảng Ngãi	Mở rộng đường trục chính 1,7km	2017-2020	1562/QĐ-UBND ngày 23/8/2017	51.894	10.000		10.000	10.000		
22	Trụ sở làm việc BQL dự án các công trình Giao thông tỉnh	BQL Dự án ĐTXD các công trình DD và CN tỉnh	TP. Quảng Ngãi	2.885m ²	2017-2019	553/QĐ-UBND ngày 31/3/2017	40.000	40.000		35.000	20.000	8.000	
23	Trường Chính trị tỉnh	BQL Dự án ĐTXD các công trình DD và CN tỉnh	TP. Quảng Ngãi	Diện tích sân 6.630m ²	2017-2020	791/QĐ-UBND ngày 27/4/2017	56.781	56.781		50.000	37.000	7.000	
24	Nâng cấp, sửa chữa BVĐK tỉnh	BQL Dự án ĐTXD các công trình DD và CN tỉnh	TP. Quảng Ngãi		2017-2020	554/QĐ-UBND ngày 31/3/2017	44.100	44.100		42.000	25.000	10.000	
25	Khu du lịch văn hóa Thiên Ân	BQL Dự án ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	TP Quảng Ngãi	67,4 ha	2018-2020	2028/QĐ-UBND, 31/10/2017	25.000	25.000		14.200	200	12.000	Triển khai 2018 từ vốn vượt thu 08 tỷ đồng

TT	TÊN DỰ ÁN	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2015	Vốn trung hạn NSDP 2016 - 2020 điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn đã giao 03 năm 2016 - 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
						Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách địa phương					
26	Cấp điện nông thôn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2013-2020 (giai đoạn I)	Sở Công thương	Toàn tỉnh	Đường dây 22kv dài 201,511 km; trạm biếp áp	2016-2020	896/QĐ-UBND ngày 20/6/2014	806.043	120.906	5.000	17.000	11.000	3.000	
	Sở Thông tin và Truyền thông						19.754	19.754	150	17.850	14.500	2.900	
27	Xây dựng trung tâm dữ liệu tỉnh Quảng Ngãi (Datacenter)	Sở Thông tin và Truyền thông	TP. Quảng Ngãi	Trung tâm tích hợp dữ liệu; hệ thống thiết bị CNTT	2016-2018	1568/QĐ-UBND, 28/10/2014	19.754	19.754	150	17.850	14.500	2.900	
	VP Tỉnh ủy						14.000	14.000	-	12.000	10.000	2.000	
28	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2015-2020 (giai đoạn I)	VP Tỉnh ủy	Toàn tỉnh	trung tâm dữ liệu, TB mạng, máy chủ..	2017-2018	2155/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	14.000	14.000		12.000	10.000	2.000	
	Sở Nội vụ						15.000	15.000	-	14.000	12.000	2.000	
29	Kho lưu trữ chuyên dụng tỉnh Quảng Ngãi (giai đoạn II - thiết bị)	Sở Nội vụ	TP. Quảng Ngãi	Thiết bị lưu trữ và bảo quản tài liệu	2017-2019	541/QĐ-UBND ngày 29/3/2017	15.000	15.000		14.000	12.000	2.000	
	Ban quản lý KKT Dung Quất						388.944	388.944	-	259.500	56.800	81.000	
30	Nghĩa địa Bình Đông	BQL KKT Dung Quất và các KCN tỉnh	Bình Sơn	Diện tích 3,36 ha	2016-2018	1964/QĐ-UBND ngày 24/10/2016	14.291	14.291	-	10.000	9.000	1.000	

TT	TÊN DỰ ÁN	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí đến năm 2015	Vốn trung hạn NSDP 2016 - 2020 điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn đã giao 03 năm 2016 - 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
						Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách địa phương					
31	Mặt đường, vỉa hè, điện chiếu sáng, cấp thoát nước đường số 8 KCN Tịnh Phong	BQL KKT Dung Quất và các KCN tỉnh	Sơn Tịnh	828,9m	2017-2019	235/QĐ-BQL ngày 24/7/2017	19.463	19.463		17.000	10.000	5.000	
32	Hệ thống xử lý nước thải KCN Tịnh Phong (giai đoạn 1)	BQL KKT Dung Quất và các KCN tỉnh	Sơn Tịnh	1.000m ³ /ngày, đêm	2017-2019	254/QĐ-BQL ngày 16/8/2017	47.190	47.190		40.000	15.000	15.000	
33	Xây dựng nghĩa trang nhân dân Phường Hoàng	BQL KKT Dung Quất	Bình Sơn	12 ha	2018-2020	421/QĐ-BQL ngày 30/10/2017	30.000	30.000		20.000	5.300	10.000	
34	Kè chắn cát cảng Dung Quất (giai đoạn 2)	BQL KKT Dung Quất và các KCN tỉnh	Bình Sơn	500m	2018-2022	1979/QĐ-UBND ngày 26/10/2017	278.000	278.000		172.500	17.500	50.000	Được bổ sung 70 tỷ đồng từ nguồn thu Tập đoàn Hòa Phát
	Tỉnh Đoàn						55.107	15.741	-	15.000	3.000	5.000	
35	Làng thanh niên lập nghiệp Sơn Bua	Tỉnh Đoàn	Sơn Tây	750 ha	2017-2020	978/QĐ/TWĐT N-TNXP ngày 30/10/2015	55.107	15.741		15.000	3.000	5.000	
	Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh						31.000	31.000	-	26.000	13.200	6.917	
36	Đầu tư trang thiết bị sản xuất chương trình PTTH cho phóng viên	Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh	TP. Quảng Ngãi		2017-2019	438/QĐ-UBND ngày 15/3/2017	9.000	9.000		8.000	7.000	917	
37	Cải tạo nhà làm việc Đài Phát thanh truyền hình tỉnh	Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh	TP. Quảng Ngãi		2017-2018	1822/QĐ-SXD ngày 23/6/2017	7.000	7.000		6.000	3.000	2.000	

TT	TÊN DỰ ÁN	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí đến năm 2015	Vốn trung hạn NSBP 2016 - 2020 điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn đã giao 03 năm 2016 - 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
						Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách địa phương					
38	Hệ thống điều khiển, lưu trữ, phát sóng và thiết bị sản xuất chương trình truyền hình tại trung tâm theo chuẩn HD	Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh	TP. Quảng Ngãi		2018-2019	2030/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	15.000	15.000		12.000	3.200	4.000	
	Liên đoàn lao động tỉnh						40.000	10.000	-	10.000	5.000	3.000	
39	Nhà văn hóa lao động tỉnh	Liên đoàn Lao động tỉnh	TPQN	Công trình thể thao, cấp III	2017-2018	1584/QĐ-TLĐ, 14/9/2017	40.000	10.000		10.000	5.000	3.000	
	Công an tỉnh						54.000	49.000	-	44.500	26.400	10.000	
40	NLV CA thị trấn chính qui (7 thị trấn)	Công an tỉnh	các huyện	3.150m2	2017-2020	2152/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	28.000	28.000		26.000	20.000	3.000	
41	Trụ sở làm việc Trạm CSGT đường thủy	Công an tỉnh	Bình Sơn	600m2	2018-2019	3316/QĐ-SXD ngày 27/10/2017	6.000	6.000		5.000	2.200	2.000	
42	Phòng Quản lý Xuất nhập cảnh	Công an tỉnh	TPQN	Diện tích đất 2.668 m2	2018-2020	2032/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	20.000	15.000		13.500	4.200	5.000	
	Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy tỉnh Quảng Ngãi						124.500	44.900	-	33.000	20.500	6.000	
43	Trụ sở làm việc phòng cảnh sát PCCC số 01, 03, 05	Cảnh sát PCCC tỉnh Quảng Ngãi	các huyện		2016-2017	624/QĐ-SXD ngày 10/3/2017; 624/QĐ-SXD ngày 10/3/2017	25.000	25.000		16.500	15.500	1.000	
44	Xây dựng trụ sở làm việc Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy tỉnh Quảng Ngãi - phần NS tỉnh hỗ trợ	Cảnh sát PCCC tỉnh Quảng Ngãi	TP. Quảng Ngãi		2018-2019		99.500	19.900		16.500	5.000	5.000	
	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh						53.000	53.000	-	39.500	25.325	10.000	
45	Trường bán, thao trường huấn luyện BCHQS tỉnh Quảng Ngãi	BCH Quân sự tỉnh	Đức Phổ		2016-2018		33.000	33.000		23.500	18.125	5.000	

TT	TÊN DỰ ÁN	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí đến năm 2015	Vốn trung hạn NSDP 2016 - 2020 điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn đã giao 03 năm 2016 - 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
						Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách địa phương					
46	Doanh trại trung đội vận tải thủy bộ	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	xã Tịnh Hòa, TP. Quảng Ngãi		2017-2018	2159/QĐ-SXD ngày 24/7/2017	5.000	5.000		4.000	3.000	1.000	
47	Đường Hầm SCH cơ bản Bình Sơn	BCH Quân sự tỉnh	Bình Sơn		2020-2022		15.000	15.000		12.000	4.200	4.000	
	Bộ chỉ huy bộ đội Biên phòng tỉnh						39.748	39.748	-	31.000	17.200	7.000	
48	Sửa chữa, cải tạo một số hạng mục tại cơ quan Bộ chỉ huy BDBP tỉnh	BCH Biên phòng tỉnh	TP. Quảng Ngãi	NLV 4 tầng; DT sàn 1.258 m ²	2017-2018	2139/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	19.748	19.748		17.000	13.000	2.000	
49	Xây dựng mới Đồn Biên phòng Bình Hải	BCH Biên phòng tỉnh	Bình Sơn		2018-2020	2002/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	20.000	20.000		14.000	4.200	5.000	
	UBND các huyện, TP						2.868.997	2.393.291	-	2.058.900	999.642	678.400	
	UBND huyện Bình Sơn						114.500	71.500	-	62.000	24.200	25.000	
50	Đường kè Bắc sông Trà Bồng (đoạn hạ lưu cầu Châu Ó)	UBND huyện Bình Sơn	Bình Sơn	1,2km	2017-2020	2173/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	72.000	29.000		29.000	18.000	6.000	
51	Đường vào đập tràn Vực Bà	UBND huyện Bình Sơn	Bình Sơn	5 km	2018-2020	1980/QĐ-UBND ngày 27/10/2017	15.000	15.000		13.000	4.200	5.000	
52	Thủy lợi Đồng Sông (đập và kênh)	UBND huyện Bình Sơn	Bình Sơn	Tuổi 55 ha	2018-2020	2007/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	27.500	27.500		20.000	2.000	14.000	
	UBND huyện Sơn Tịnh						142.350	110.000	-	50.000	33.800	13.000	
53	Tuyến D7 trung tâm huyện lỵ Sơn Tịnh mới	UBND huyện Sơn Tịnh	Sơn Tịnh	L=0,66m; B=20,5 m	2017-2019	2145/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	41.437	30.000		30.000	26.500	3.000	
54	Tuyến D9 trung tâm huyện lỵ Sơn Tịnh mới	UBND huyện Sơn Tịnh	Sơn Tịnh	1,04km	2018-2021	1984/QĐ-UBND ngày 27/10/2017	100.913	80.000		20.000	7.300	10.000	

TT	TÊN DỰ ÁN	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí đến năm 2015	Vốn trung hạn NSĐP 2016 - 2020 điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn đã giao 03 năm 2016 - 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
						Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách địa phương					
	UBND thành phố Quảng Ngãi						1.171.924	1.038.056	-	961.000	434.742	309.500	
55	Cầu Thạch Bích	UBND TP Quảng Ngãi	TP. Quảng Ngãi	cầu 875,65m; đường dẫn 1.549,07 m	2016-2020	323/QĐ-UBND 03/3/2016	643.184	560.000	-	511.000	351.242	150.000	KH2019 hoàn trả 100 tỷ đồng ứng trước tại QĐ 1588/QĐ-UBND ngày 19/9/2018
56	Nghĩa địa thành phố (giai đoạn 2)	UBND TP Quảng Ngãi	TP. Quảng Ngãi	9,31 ha	2016-2020	2363/QĐ-UBND, 30/12/2015	56.281	39.397	-	39.000	34.000	3.000	
57	Khu dân cư phục vụ tái định cư Khu II Đê bao, thành phố Quảng Ngãi	UBND TP Quảng Ngãi	TP. Quảng Ngãi	6,37 ha	2016-2020	1964a/QĐ-UBND, 30/10/2015	296.459	296.459	-	190.000	10.000	70.000	
58	Đường nối từ đường Hùng Vương đến đường Nguyễn Tự Tân (đoạn qua Đê PITTH tỉnh)	UBND TP Quảng Ngãi	TP. Quảng Ngãi	Đường phố với chiều dài 266m	2017-2020	7501/QĐ-UBND, 31/10/2016	7.000	7.000		6.000	4.500	1.500	
59	Cầu An Phú qua sông Phú Thọ	UBND TP Quảng Ngãi	TP. Quảng Ngãi	372m	2017-2021	1192/QĐ-UBND ngày 26/6/2017	169.000	135.200		115.000	35.000	35.000	
60	Đường Chu Văn An (đoạn từ đường Ngô Sĩ Liên đến đường Hùng Vương)	UBND TP Quảng Ngãi	TPQN		2019-2022					100.000	-	50.000	Thực hiện điều chỉnh dự án, Chủ đầu tư theo CV 7465/UBND-CNXD ngày 07/12/2018
	UBND huyện Tư Nghĩa						186.036	115.036	-	100.200	42.700	38.000	
61	Đường Nghĩa Phương - Nghĩa Mỹ	UBND huyện Tư Nghĩa	Tư Nghĩa	Đường cấp IV đồng bằng, dài 1.751m	2017-2020	2128/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	47.036	47.036		42.000	22.500	15.000	

TT	TÊN DỰ ÁN	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí đến năm 2015	Vốn trung hạn NSDP 2016 - 2020 điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn đã giao 03 năm 2016 - 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
						Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách địa phương					
62	Đường trục chính phía Tây thị trấn La Hà	UBND huyện Tư Nghĩa	Tư Nghĩa	1,225km	2017-2021	1668/QĐ-UBND ngày 07/9/2017	114.000	43.000		43.000	20.000	13.000	
63	Đường Bàu Giang - Nghĩa Hành, đoạn qua huyện Tư Nghĩa (gđ2)	UBND huyện Tư Nghĩa	Tư Nghĩa	3 km	2018-2019	1967/QĐ-UBND ngày 25/10/2017	25.000	25.000		15.200	200	10.000	Được bổ sung vượt thu 2017 là 10 tỷ đồng
	UBND huyện Mộ Đức						140.000	96.500	-	76.500	42.000	21.000	
64	Tuyến đường Chợ Lâm Thượng-Biên Đạm Thủy Nam	UBND huyện Mộ Đức	Mộ Đức	3,63 km	2017-2018		35.000	35.000		20.000	15.000	5.000	HTMT cho huyện
65	Hệ thống tiêu nước nội các xã Đức Phong, Đức Minh, Đức Thắng	UBND huyện Mộ Đức	Mộ Đức	11 km	2018-2020	2124/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	35.000	35.000		30.000	14.000	8.000	
66	Tuyến đường Đông thị trấn Mộ Đức (Đường nội thị)	UBND huyện Mộ Đức	Mộ Đức	1,32 km	2017-2020		70.000	26.500		26.500	13.000	8.000	
	UBND huyện Đức Phổ						49.900	39.900	-	39.000	20.000	10.000	
67	Tuyến đường Võ Trung Thành đến giáp đường tránh Đông (nút 24)	UBND huyện Đức Phổ	Đức Phổ	1.168,9 m	2017-2020	2136/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	49.900	39.900		39.000	20.000	10.000	
	UBND huyện Nghĩa Hành						69.999	64.999	-	42.500	27.200	14.500	
68	Đường Tránh lũ Hành Tín Đông - Hành Thiện - Hành Thịnh	UBND huyện Nghĩa Hành	Nghĩa Hành	11,5 km	2016-2018	1432/QĐ-UBND 08/8/2016	44.999	44.999		32.500	27.000	5.500	
69	Đường huyện ĐH.54 (ĐT.624-Nghĩa Kỳ)	UBND huyện Nghĩa Hành	Nghĩa Hành		2018-2020	1227/QĐ-UBND ngày 29/6/2017	25.000	20.000		10.000	200	9.000	Vượt thu 2017 bố trí 10 tỷ đồng
	UBND huyện Minh Long						94.792	74.805	-	70.200	38.200	26.700	
70	Cầu Học Nhiều và đường hai đầu cầu, huyện Minh Long	UBND huyện Minh Long	Minh Long	Cầu 45m, đường 397m	2016-2017	1967k/QĐ-UBND, 31/10/2015	14.805	14.805		10.200	10.200	1.700	Trì nợ Quyết toán theo QĐ 2008/QĐ-UBND ngày 12/11/2018

TT	TÊN DỰ ÁN	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí đến năm 2015	Vốn trung hạn NSBP 2016 - 2020 điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn đã giao 03 năm 2016 - 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
						Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách địa phương					
71	Cầu sông Phước Giang (thôn 2 Long Hiệp đi qua)	UBND huyện Minh Long	Minh Long	108m cầu+đường 2 đầu cầu	2017-2020	2147/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	79.987	60.000		60.000	28.000	25.000	
	UBND huyện Ba Tư						201.786	151.786	-	136.000	79.100	42.000	
72	Đường cứu hộ cứu nạn Ba Tư - Ba Trang (giai đoạn 1)	UBND huyện Ba Tư	Ba Tư	20,227km	2016-2020	1968/QĐ-UBND ngày 31/10/2015	74.986	74.986	-	65.000	56.000	9.000	
73	Đường Ba Tư - Ba Trang - Ba Khâm (đoạn Ba Trang - Ba Khâm)	UBND huyện Ba Tư	Ba Tư	19,7 km	2017-2020	2064/QĐ-UBND ngày 26/10/2016	120.000	70.000		65.000	20.000	31.000	
74	Cầu Nước Sung, xã Ba Vinh	UBND huyện Ba Tư	Ba Tư	45m	2018-2019	1456/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	6.800	6.800		6.000	3.100	2.000	
	UBND huyện Sơn Hà						86.600	86.600	-	74.000	46.000	22.000	
75	Đường ĐH 72 (đoạn Sơn Cao - Sơn Kỳ)	UBND huyện Sơn Hà	Sơn Hà	8,7km	2016-2018	2152/QĐ-UBND ngày 08/7/2016	39.400	39.400	-	32.000	26.000	5.000	
76	Đường Sơn Thủy - Giá Gỏi	UBND huyện Sơn Hà	Sơn Hà	14km	2017-2020	2087/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	47.200	47.200		42.000	20.000	17.000	
	UBND huyện Sơn Tây						166.969	159.969	-	123.000	68.000	47.800	
77	Đường Sơn Tinh - Sơn Thượng	UBND huyện Sơn Tây	Sơn Tây	3km	2016-2018	1966/QĐ-UBND, 30/10/2015	42.000	42.000	-	38.000	36.500	1.500	
78	Đường Sơn Liên - Cầu Tà Meo	UBND huyện Sơn Tây	Sơn Tây	6,5km	2017-2019	2127/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	67.969	67.969		60.000	25.000	26.300	
79	Đường đô thị 02 (Quảng trường - ĐĐT05)	UBND huyện Sơn Tây	Sơn Tây	0,9km	2018-2020	1957/QĐ-UBND ngày 24/10/2017	57.000	50.000		25.000	6.500	20.000	
	UBND huyện Trà Bồng						99.989	99.989	-	84.500	53.200	20.500	

TT	TÊN DỰ ÁN	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí đầu năm 2015	Vốn trung hạn NSDP 2016 - 2020 điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn đã giao 03 năm 2016 - 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
						Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Nguồn sách địa phương					
80	Đường Trà Bàu - Núi Cà Đam	UBND huyện Trà Bồng	Trà Bồng	Đường cấp IV, chiều dài 14.935 m	2016-2018	1433/QĐ-UBND ngày 8/8/2016	40.000	40.000	-	31.500	28.000	3.500	
81	Đường Trà Tân - Trà Nham	UBND huyện Trà Bồng	Trà Bồng	7km	2017-2020	2148/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	49.989	49.989		45.000	20.000	15.000	
82	Cầu Suối Nang 2	UBND huyện Trà Bồng	Trà Bồng	Chiều dài 100m	2018-2019	2329/QĐ-UBND ngày 27/10/2017	10.000	10.000		8.000	5.200	2.000	
	UBND huyện Tây Trà						124.153	124.153	-	113.000	53.000	32.000	
83	Kiến cơ hóa đường Trà Lãnh đi UBND xã Trà Thọ	UBND huyện Tây Trà	Tây Trà	3,044km	2016-2018	1968/QĐ-UBND, 31/10/2015	20.952	20.952	-	19.000	17.000	2.000	
84	Đường Eo chim - Trà Nham - dốc Bình Minh	UBND huyện Tây Trà	Tây Trà	7,1 km	2017-2020	2142/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	63.249	63.249		58.000	20.000	20.000	
85	Tuyến đường số 2 trung tâm huyện lỵ Tây Trà	UBND huyện Tây Trà	Tây Trà	1,5km	2017-2020	2141/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	39.952	39.952		36.000	16.000	10.000	
	UBND huyện Lý Sơn						219.999	159.999	-	127.000	37.500	56.400	
86	Khu nghĩa địa tập trung huyện Lý Sơn	UBND huyện Lý Sơn	Lý Sơn	04 ha	2017-2019	2468/QĐ-UBND ngày 27/12/2016	50.000	50.000		45.000	14.500	30.000	KH2019 để hoàn ứng 30 tỷ đồng
87	Nâng cấp tuyến đường giao thông đến các di tích, danh lam thắng cảnh đảo Lý Sơn	UBND huyện Lý Sơn	Lý Sơn	Chiều dài 1.660 m	2017-2019	2149/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	14.999	14.999		13.500	12.500	1.000	
88	Khu Chính trị - Hành chính huyện Lý Sơn	UBND huyện Lý Sơn	Lý Sơn		2018-2022	2009/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	80.000	80.000		55.000	10.500	20.000	

TT	TÊN DỰ ÁN	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí đến năm 2015	Vốn trung hạn NSDP 2016 - 2020 điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn đã giao 03 năm 2016 - 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú	
						Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách địa phương						
89	Hệ thống trữ nước sinh hoạt, kết hợp tưới tiết kiệm nước cho nông nghiệp đảo Lý Sơn	UBND huyện Lý Sơn	Lý Sơn	cấp nước 1.000 người và tưới tiết kiệm cho 80ha đất	2018-2020	2040/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	75.000	15.000		13.500		5.400		
II Dự án khởi công mới năm 2019								3.662.301	2.759.901	-	1.480.325	4.300	627.900	
Số, ban, ngành tỉnh								3.062.836	2.252.836	-	1.082.000	2.250	407.700	
1	Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, giai đoạn IIa	BQLDA Đầu tư Xây dựng các công trình giao thông	Mộ Đức	13,2km	2019-2022	523/QĐ-UBND ngày 14/3/2007	2.000.000	1.200.000		500.000		140.000	Đồng thời bố trí từ nguồn thu sử dụng đất (các doanh nghiệp đầu tư BĐS) là 54,4 tỷ đồng tại Phụ lục 7	
2	Đường nối từ cầu Thạch Bích đến Tịnh Phong, giai đoạn I		TPQN, Sơn Tịnh		2019-2023		512.000	512.000		200.000	500	90.000		
3	Nâng cấp tuyến đường từ đường tránh Đông đi Tân Xã	BQLDA Đầu tư Xây dựng các công trình giao thông	TPQN, Tư Nghĩa		2019-2020	1923/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	135.000	135.000		120.000	200	40.000		
4	Kênh tiêu, thoát nước Từ Ty (đoạn qua Phường Quảng Phú)	BQL Dự án ĐTXD các công trình NN và PTNT	TPQN	3.000m	2019-2022	1890/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	79.892	79.892		50.000	100	30.000		
5	Sửa chữa hệ thống phao lường tại các Cảng cá Sa Huỳnh, Lý Sơn, Sa Kỳ	BQL Dự án ĐTXD các công trình NN và PTNT	Đức Phổ, Lý Sơn, TP. Quảng Ngãi	Sửa chữa, đầu tư mới phao lường	2019	1156/QĐ-SGTVT ngày 30/10/2017	2.899	2.899		2.500	100	2.200		
6	Đường số 6 KCN Tịnh Phong	BQL KKT Dung Quất	Sơn Tịnh	863m	2019-2020	344/QĐ-BQL ngày 31/10/2018	26.545	26.545		20.000	100	10.000		

TT	TÊN DỰ ÁN	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí đến năm 2015	Vốn trung hạn NSDP 2016 - 2020 điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn đã giao 03 năm 2016 - 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
						Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách địa phương					
7	Bệnh viện y học cổ truyền	BQL DAĐT XD các CT DD và CN tỉnh	TPQN	9.700 m2	2019-2022	1916/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	126.000	126.000		60.000	200	30.000	
8	Tôn tạo, nâng cấp mộ cụ Huỳnh Thúc Kháng				2019-2020		9.915	9.915		8.000	100	4.000	
9	Công viên tỉnh Quảng Ngãi - Hạng mục: đường trục phía Nam công viên	BQL DAĐT XD các CT DD và CN tỉnh	TP. Quảng Ngãi		2019-2020	1929/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	40.000	30.000		30.000	200	15.000	
10	Trường THPT Nguyễn Công Trứ - Nhà học bộ môn	BQL DAĐT XD các CT DD và CN tỉnh	Mộ Đức	854 m2 sàn	2019-2020	3417/QĐ-SXD ngày 30/10/2018	6.960	6.960		5.000	50	2.500	
11	Trường THPT Đinh Tiên Hoàng - Nhà tập đa năng	BQL DAĐT XD các CT DD và CN tỉnh	Sơn Tây	819 m2 sàn	2019-2020	3414/QĐ-SXD ngày 30/10/2018	6.676	6.676		5.000	50	2.500	
12	Tăng cường đảm bảo an toàn thông tin trong hoạt động các cơ quan Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2018-2020 và định hướng đến năm 2025	Sở Thông tin và Truyền thông	TP Quảng Ngãi		2019-2021	1930/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	25.000	25.000		12.000	100	5.000	
13	Tăng cường tiềm lực cho Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Sở Khoa học - Công nghệ	TP. Quảng Ngãi	Máy móc thiết bị	2019-2020	2036/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	14.949	14.949		12.000	200	5.000	

TT	TÊN DỰ ÁN	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí đến năm 2015	Vốn trung hạn NSDP 2016 - 2020 điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn đã giao 03 năm 2016 - 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
						Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách địa phương					
14	Sửa chữa, nâng cấp trường Cao đẳng y tế Đặng Thùy Trâm	Trường Cao đẳng y tế Đặng Thùy Trâm	TPQN		2019-2021	3421/QĐ-SXD ngày 31/10/2018	14.000	14.000		10.000	50	5.000	
15	Phòng thí nghiệm công nghệ sinh học cho Trại nghiên cứu thực nghiệm ứng dụng CNSH phục vụ sản xuất nông nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ	Nghĩa Hành	Đầu tư phòng thí nghiệm	2019-2020	3423/QĐ-SXD ngày 31/10/2018	5.000	5.000		5.000	50	4.000	
16	Nhà tiêu diệt dân quân thường trực các xã trọng điểm (23 xã)	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	23 xã		2019-2020	1888/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	27.000	27.000		20.000	100	10.000	
17	Nhà làm việc công an 40 xã	Công an tỉnh	Nhiều huyện		2019-2020	1879/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	28.000	28.000		20.000	100	10.000	
18	Trạm kiểm soát biển phòng Đức Lợi	Bộ Chỉ huy bộ đội Biên phòng tỉnh	Mộ Đức	759m2	2019	3422/QĐ-SXD ngày 31/10/2018	3.000	3.000		2.500	50	2.500	
Các huyện, thành phố							599.465	507.065	-	398.325	2.050	220.200	
19	Đường vành đai Tây Bắc Thị trấn Châu Ô	UBND huyện Bình Sơn	Bình Sơn	1,22 km	2019-2021	1924/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	69.000	41.400		30.000	100	15.000	Vốn tỉnh 60%, vốn huyện 40%
20	Tuyến N9 trung tâm huyện lỵ Sơn Tịnh mới	UBND huyện Sơn Tịnh	Sơn Tịnh	1,6km	2019-2021	1921/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	82.000	49.200		35.000	100	20.000	Vốn tỉnh 60%, vốn huyện 40%
21	Tuyến đường QL 1A - Đá Bạc	UBND huyện Mộ Đức	Mộ Đức	4,6 km	2019-2021	1931/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	50.000	50.000		45.000	100	25.000	
22	Tuyến đường ĐH.417(Phố Ninh - Ba Khâm)	UBND huyện Đức Phổ	Đức Phổ	5169m	2019-2021	1917/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	35.000	35.000		20.000	100	10.000	

TT	TÊN DỰ ÁN	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí đến năm 2015	Vốn trung hạn NSDP 2016 - 2020 điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn đã giao 03 năm 2016 - 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
						Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách địa phương					
23	Đường Bờ hữu sông Phước Giang	UBND huyện Minh Long	Minh Long		2018-2020	1425/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	13.000	13.000		10.000	300	5.000	
24	Đường Sơn Thượng - Sơn Tinh	UBND huyện Sơn Hà	Sơn Hà	14km	2019-2021	1864/QĐ-UBND ngày 10/10/2017	55.000	55.000		15.000	400	7.000	
25	Đường tránh đồng huyện Nghĩa Hành	UBND huyện Nghĩa Hành	Nghĩa Hành	L=2km	2019-2021	1925/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	80.000	48.000		30.000	100	15.000	Vốn tỉnh 60%, vốn huyện 40%
26	Cầu Phú thuộc tuyến đường cụm công nghiệp La Hà, huyện Tư Nghĩa đi Nghĩa Hành	UBND huyện Tư Nghĩa	Tư Nghĩa	36m	2019-2021	1898/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	24.150	24.150		20.000	150	10.000	
27	Kênh thoát lũ hạ lưu suối Đồng Vông	UBND huyện Minh Long	Minh Long	599m	2019	1868/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	7.000	7.000		6.000	50	6.000	
28	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Trà Bình đi Trà Tân, huyện Trà Bồng	UBND huyện Trà Bồng	Trà Bồng		2019-2020	1922/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	22.000	22.000		19.000	100	10.000	
29	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ngã 3 Trà Xinh đi thôn Trà Ôi, xã Trà Xinh	UBND huyện Tây Trà	Tây Trà	3.000m	2019-2020	1394/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	15.000	15.000		13.000	100	8.000	
30	Khắc phục các điểm sạt lở trên tuyến đường Trà Phong - Trà Thanh	UBND huyện Tây Trà	Tây Trà	2.000m	2019-2020	1393/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	10.500	10.500		10.000	100	7.000	
31	Khắc phục kênh N16-2 Thố Chi - Mương mới, xã Hành Phước	UBND huyện Nghĩa Hành	Nghĩa Hành	7.000m	2019	373/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	10.000	10.000		9.000	100	9.000	
32	Đường Ba Chùa - Hành Tín Đông	UBND huyện Ba Tơ	Ba Tơ	14,2km	2019-2022	1926/QĐ-UBND ngày 31/12/2018	112.709	112.709		60.000	200	30.000	

TT	TÊN DỰ ÁN	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí đến năm 2015	Vốn trung hạn NSDP 2016 - 2020 điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn đã giao 03 năm 2016 - 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
						Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách địa phương					
33	Khởi phục bộ xương cá Ông Lăng Tân (bao gồm nhà trung bày)	UBND huyện Lý Sơn	Lý Sơn	800m ²	2019-2020	1468/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	14.106	14.106		10.000	50	10.000	
34	Hỗ trợ vốn các vùng chuyên canh cây nông nghiệp (đầu tư cây giống và hỗ trợ kỹ thuật)									66.325		33.200	HTMT cho ngân sách huyện thực hiện
	Vùng chuyên canh cây Cau, huyện Sơn Tây	UBND huyện Sơn Tây	Sơn Tây							20.000		10.000	
	Vùng chuyên canh cây Chè, huyện Minh Long	UBND huyện Minh Long	Minh Long							18.000		6.000	
	Vùng chuyên canh cây Mít thái, huyện Sơn Hà	UBND huyện Sơn Hà	Sơn Hà							8.000		4.000	
	Vùng chuyên canh cây Mít thái, huyện Ba Tơ	UBND huyện Ba Tơ	Ba Tơ							8.000		4.000	
	Đầu tư phát triển vùng chuyên canh cây quế Trà Bồng	UBND huyện Trà Bồng	Trà Bồng							6.325		3.200	
	Đầu tư phát triển vùng chuyên canh cây quế Tây Trà	UBND huyện Tây Trà	Tây Trà							6.000		3.000	
	Đầu tư phát triển vùng chuyên canh cây ăn quả huyện Nghĩa Hành	UBND huyện Nghĩa Hành	Nghĩa Hành									3.000	

Phụ lục 6

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019

Nguồn vốn: Xổ số kiến thiết

(Kèm theo Quyết định số 178/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	TÊN DỰ ÁN	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí đến năm 2015 (tất cả các nguồn vốn)	Vốn trung hạn NSDP 2016 - 2020 điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn đã giao 03 năm 2016 - 2018	Kế hoạch năm 2019 vốn XSKT	Ghi chú	
				Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách địa phương						
TỔNG CỘNG												
					271.009	271.009	43.400	179.609	76.648	85.000		
I	Bố trí thực hiện Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới									10.000		
II	Bố trí hoàn trả ứng trước									25.000		
1	Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ngãi	BQL Dự án ĐTXD các công trình DD và CN tỉnh	TP. Quảng Ngãi							25.000		
III	Thực hiện dự án				271.009	271.009	43.400	179.609	76.648	50.000		
	Dự án chuyển tiếp				250.049	250.049	43.400	163.609	76.198	41.900		
2	Xây dựng các Trạm y tế xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	Sở Y tế	Các huyện/thành phố	2014-2016		72.957	72.957	43.400	28.000	25.698	2.302	
3	Trường THPT chuyên Lê Khiết - Cải tạo, xây dựng phòng học, các hạng mục thiết yếu đạt tiêu chuẩn trường chuyên (giai đoạn 1)	BQL Dự án ĐTXD các công trình DD và CN tỉnh	TP. Quảng Ngãi	2018	2011/QĐ-UBND, 31/10/2017	55.000	55.000		45.609	10.300	20.309	
4	Trường THCS DTNT Sơn Hà - Nhà lớp học 8 phòng 2 tầng	BQL Dự án ĐTXD các công trình DD và CN tỉnh	Sơn Hà	717 m2 sàn	2018	3225/QĐ-SXD ngày 24/10/2017	5.399	5.399		5.000	3.200	1.800
5	Trường THPT số 2 Mộ Đức - Nhà lớp học 8 phòng 2 tầng	BQL Dự án ĐTXD các công trình DD và CN tỉnh	Mộ Đức	761 m2 sàn	2018	3240/QĐ-SXD ngày 24/10/2017	5.693	5.693		5.000	3.200	1.800

TT	TÊN DỰ ÁN	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí đến năm 2015 (tất cả các nguồn vốn)	Vốn trung hạn NSDP 2016 - 2020 điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn đã giao 03 năm 2016 - 2018	Kế hoạch năm 2019 vốn XSKT	Ghi chú
						Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách địa phương					
6	Nâng cấp BVĐK tỉnh lên hạng 1	BQL Dự án ĐTXD các công trình DD và CN tỉnh	TP. Quảng Ngãi		2018-2020		111.000	111.000		80.000	33.800	15.689	
	Dự án khởi công mới năm 2019						20.960	20.960		16.000	450	8.100	
7	Trường THPT Lý Sơn - Nhà học bộ môn	BQL DA ĐT XD các CT DD và CN tỉnh	Lý Sơn	854 m2 sàn	2019-2020	3037/QĐ-SXD ngày 10/10/2017	7.324	7.324		6.000	350	3.100	
8	Trường THPT Tây Trà - Nhà tập đa năng	BQL DA ĐT XD các CT DD và CN tỉnh	Tây Trà	819 m2 sàn	2019-2020	4413/QĐ-SXD ngày 30/10/2018	6.676	6.676		5.000	50	2.500	
9	Trường THPT Phạm Kiệt - Nhà học bộ môn	BQL DA ĐT XD các CT DD và CN tỉnh	Ba Tơ	854 m2 sàn	2019-2020	3415/QĐ-SXD ngày 30/10/2018	6.960	6.960		5.000	50	2.500	

Phụ lục 7

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2019

Nguồn vốn: Cân đối ngân sách địa phương (từ nguồn thu tiền sử dụng đất)

(Kèm theo Quyết định số 1179/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	TÊN DỰ ÁN	Địa điểm kế hoạch	Loại hình kế hoạch	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch trung hạn đã giao 03 năm 2016 - 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú	
					Số Quyết định	Tổng mức đầu tư					
TỔNG CỘNG							1.827.059	2.256.400	1.147.000	675.000	
I	Bố trí thực hiện dự án khai thác quỹ đất tỉnh quản lý						1.827.059	1.256.400	484.000	248.400	
*	Dự án chuyển tiếp						1.827.059	1.256.400	364.000	144.000	
1	Khu dân cư Yên Phú	Số Tài nguyên - Môi trường	TP. Quảng Ngãi	65.885m ²	2011-2018	832/QĐ-UBND, 10/6/2011;	123.873	26.000	25.000	1.000	
2	Khu Tái định cư kết hợp phát triển quỹ đất phục vụ xây dựng hệ thống đê bao nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu tại xã Tịnh Kỳ, thành phố Quảng Ngãi	Số Tài nguyên Môi trường	TP. Quảng Ngãi	7,5ha	2015-2018	312/QĐ-UBND, 29/02/2016	101.957	100.000	50.000	30.000	
3	Khu dân cư Tịnh Kỳ giai đoạn 2	Số Tài nguyên Môi trường	TP. Quảng Ngãi	3 ha	2017-2020	1416/QĐ-UBND 01/8/2017	40.000	40.000	22.000	21.000	
4	Hệ thống điện chiếu sáng đoạn km1027-km1045+780 và cây xanh tại nút giao thông đèo sồi thuộc tuyến QL1A, tỉnh Quảng Ngãi	BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh	Bình Sơn, Sơn Tịnh	Đầu tư mới đường dây từ km1027-km1045+780 và các nút cây xanh	2017-2019	2150/QĐ-UBND 31/10/2016	44.476	40.000	40.000		
5	Khu dân cư trục đường Bầu Giang - Cầu Mới	QISC	TP. Quảng Ngãi	2.227m ²		932/QĐ-UBND, 20/6/2012; 1077/QĐ-UBND, 30/6/2015	641.777	354.900	60.000	30.000	
6	Đường Chu Văn An và khu dân cư (đoạn từ đường Hai Bà Trưng đến Ngõ Sý Liên)	QISC	TP. Quảng Ngãi	san nền 5,43ha và 876m đường	2016-2020	505/QĐ-UBND 31/3/2016	319.891	284.400	55.000	25.000	Thực hiện điều chỉnh dự án, Chủ đầu tư theo CV 7465/UBND-CNXD ngày 07/12/2018
7	KDC phía Nam đường Hai Bà Trưng, thành phố Quảng Ngãi (giai đoạn 1)	QISC	TP. Quảng Ngãi	san nền 6,44ha	2016-2018	446/QĐ-UBND 24/3/2016	246.537	181.100	47.000	15.000	

TT	TÊN DỰ ÁN	Đầu mối giao kế hoạch	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch trung hạn đã giao 03 năm 2016 - 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
						Số Quyết định	Tổng mức đầu tư				
8	Khu dân cư phía Bắc Đường Huỳnh Thúc Kháng	QISC	TP. Quảng Ngãi	74.911m ²	2017-2019	1652/QĐ-UBND 01/9/2017	167.000	130.000	20.000	12.000	
9	Kè và Khu dân cư nam sông Vệ	QISC	Mộ Đức	19,97 ha	2017-2019	1973/QĐ-UBND, 29/9/2017	141.548	100.000	45.000	10.000	
*	Thu từ các doanh nghiệp đầu tư BBS									54.400	
10	Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, giai đoạn IIa	BQLDA Đầu tư Xây dựng các công trình giao thông	Mộ Đức, Đức Phổ	13,2km	2019-2022	523/QĐ-UBND ngày 14/3/2007	2.000.000	500.000		54.400	
*	Bổ trí thực hiện công tác đo đạc, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền SDD								120.000	50.000	
II	GIAO HUYỆN, THÀNH PHỐ THU - CHI							1.000.000	663.000	426.600	

Phụ lục
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019
ĐỐI ỨNG CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ

Nguồn vốn: Cân đối ngân sách địa phương

Đơn vị: SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
 (Kèm theo Quyết định số 19/QĐ-UBND, ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhà tài trợ	Địa điểm thực hiện	Nội dung thiết kế	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư			Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2018			Kế hoạch vốn đối ứng năm 2019	Ghi chú
						Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
							Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài		Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài		
TỔNG SỐ						337.818	18.477	319.341	241.724	16.903	224.821	1.574	
1	Giảm nghèo khu vực Tây Nguyên - tỉnh Quảng Ngãi	WB	Sơn Hà, Sơn Tây, Ba Tơ	Phát triển CSHT cấp xã, thôn, bản; Phát triển sinh kế bền vững; Nâng cao năng lực	2014 - 2018	337.818	18.477	319.341	241.724	16.903	224.821	1.574	

Phụ lục
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019
VỐN ĐỐI ỨNG CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ



Nguồn vốn: Cân đối ngân sách địa phương

Đơn vị: SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

(Kế hoạch được phê duyệt tại Quyết định số 117/QĐ-UBND, ngày 07/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhà tài trợ	Địa điểm thực hiện	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư			Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2018			Kế hoạch vốn đối ứng năm 2019	Ghi chú
						Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
							Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài		Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài		
	TỔNG SỐ					28.600	6.600	22.000	12.199	2.232	9.967	700	
1	Giáo dục trung học khó khăn nhất (giai đoạn 2)	ADB	Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Mộ Đức	6 trường THCS	2015-2018	28.600	6.600	22.000	12.199	2.232	9.967	700	

Phụ lục
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019

Nguồn vốn: Cân đối ngân sách địa phương

Đơn vị: Sở Thông tin và Truyền thông

(Kèm theo Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng



TT	TÊN DỰ ÁN	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí đến năm 2015	Vốn trung hạn NSDP 2016 - 2020 điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn đã giao 03 năm 2016 - 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú	
				Tổng mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách địa phương						
TỔNG CỘNG											
					44.754	44.754	150	29.850	14.600	7.900	
I	Dự án chuyển tiếp				19.754	19.754	150	17.850	14.500	2.900	
1	Xây dựng trung tâm dữ liệu tỉnh Quảng Ngãi (Datacenter)	TP. Quảng Ngãi	Trung tâm tích hợp dữ liệu; hệ thống thiết bị CNTT	2016-2018	1568/QĐ-UBND, 28/10/2014	19.754	19.754	150	17.850	14.500	2.900
II	Dự án khởi công mới năm 2019				25.000	25.000	-	12.000	100	5.000	
1	Tăng cường đảm bảo an toàn thông tin trong hoạt động các cơ quan Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2018-2020 và định hướng đến năm 2025	TP Quảng Ngãi		2019-2021	1930/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	25.000	25.000		12.000	100	5.000

Phụ lục
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019

Nguồn vốn: Cân đối ngân sách địa phương

Đơn vị: Sở Nội vụ

(Kèm theo Quyết định số 541/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	TÊN DỰ ÁN	Địa điểm xây dựng	Năm lập thiết kế	Năm thực hiện	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí đến năm 2015	Vốn trung hạn NSDP 2016 - 2020 điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn đã giao 03 năm 2016 - 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú	
					Tổng mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách địa phương						
	TỔNG CỘNG					15.000	15.000	-	14.000	12.000	2.000	
	Dự án chuyển tiếp					15.000	15.000	-	14.000	12.000	2.000	
1	Kho lưu trữ chuyên dụng tỉnh Quảng Ngãi (giai đoạn II - thiết bị)	TP. Quảng Ngãi	Thiết bị lưu trữ và bảo quản tài liệu	2017-2019	541/QĐ-UBND ngày 29/3/2017	15.000	15.000		14.000	12.000	2.000	

Phụ lục
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019

Nguồn vốn: Cân đối ngân sách địa phương

Đầu tư Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

(Kèm theo Quyết định 1000/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	TÊN DỰ ÁN	Địa điểm xây dựng	Hình thức đầu tư	Quyết định đầu tư		Vốn trung hạn NSĐP 2016 - 2020 điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn đã giao 03 năm 2016 - 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
				Tổng mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách địa phương				
	TỔNG CỘNG			50.000	50.000	50.000	30.000	24.800	
	Bố trí hoàn trả ứng trước							14.800	
1	Đường vào cảng cá Lý Sơn							4.800	
2	Sửa chữa, nâng cấp Hồ chứa nước Cây Bứa							10.000	
	Danh mục chuyển tiếp từ năm 2015 sang giai đoạn 2016 - 2020			50.000	50.000	50.000	30.000	10.000	
3	Bố trí thực hiện chương trình bảo vệ và phát triển rừng	Toàn tỉnh	2016-2020	50.000	50.000	50.000	30.000	10.000	

Phụ lục
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019
ĐỐI ƯNG CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ

Nguồn vốn: Cân đối ngân sách địa phương

ĐƠN VỊ: SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

(Kèm theo Quyết định số 71/QĐ-UBND, ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhà tài trợ	Địa điểm thực hiện	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư			Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2018			Kế hoạch vốn đối ứng năm 2019	Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
						Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài		Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài		
	TỔNG SỐ				701.211	102.451	598.760	315.275	39.250	276.025	14.356	
1	Phục hồi và Quản lý bền vững rừng phòng hộ	JICA	Ba Tơ, Tây Trà, Sơn Hà, Sơn Tây	2012-2021	201.986	24.845	177.141	162.260	16.500	145.760	1.256	
2	TDA Cảng neo trú tàu thuyền và cửa biển Mỹ Á (giai đoạn II) thuộc dự án Quản lý thiên tai (WB5)	WB	Huyện Đức Phổ	2013-2019	185.132	48.299	136.833	94.061	17.061	77.000	5.000	
3	TDA Sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh Quảng Ngãi (giai đoạn 1) thuộc Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)	WB	Các huyện	2017-2019	169.993	21.307	148.686	43.154	5.639	37.515	8.000	
4	TDA Sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh Quảng Ngãi (giai đoạn 2) thuộc Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)	WB	Các huyện	2018-2022	144.100	8.000	136.100	15.800	50	15.750	100	

Phụ lục
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019

Nguồn vốn: Cân đối ngân sách địa phương

Đơn vị: Sở Công thương

(Kèm theo Quyết định số 896/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng



TT	TÊN DỰ ÁN	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Hình đầu tư	Lấy kế vốn đã bố trí đến năm 2015		Vốn trung hạn NSDP 2016 - 2020 điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn đã giao 03 năm 2016 - 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú	
						Tổng mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách địa phương					
	TỔNG CỘNG					806.043	120.906	5.000	17.000	11.000	3.000	
I	Dự án chuyển tiếp					806.043	120.906	5.000	17.000	11.000	3.000	
1	Cấp điện nông thôn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2013-2020 (giai đoạn I)	Toàn tỉnh	Đường dây 22kv dài 201,511 km; trạm biếp áp	2016-2020	896/QĐ-UBND ngày 20/6/2014	806.043	120.906	5.000	17.000	11.000	3.000	

Phụ lục
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019

Nguồn vốn: Cân đối ngân sách địa phương

Đơn vị: Sở Khoa học và Công nghệ

(Kèm theo Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	TÊN DỰ ÁN	Địa điểm xây dựng	Năm lập thiết kế	Số Quyết định	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí đến năm 2015	Vốn trung hạn NSDP 2016 - 2020 điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn đã giao 03 năm 2016 - 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
					Tổng mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách địa phương					
	TỔNG CỘNG				19.949	19.949	-	17.000	250	9.000	
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020				19.949	19.949	-	17.000	250	9.000	
I	Dự án khởi công mới năm 2019				19.949	19.949	-	17.000	250	9.000	
1	Tăng cường tiềm lực cho Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng	TP. Quảng Ngãi	Máy móc thiết bị	2019-2020	2036/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	14.949	14.949	12.000	200	5.000	
2	Phòng thí nghiệm công nghệ sinh học cho Trại nghiên cứu thực nghiệm ứng dụng CNSH phục vụ sản xuất nông nghiệp	Nghĩa Hành	Đầu tư phòng thí nghiệm	2019-2020	3423/QĐ-SXD ngày 31/10/2018	5.000	5.000	5.000	50	4.000	

Phụ lục
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019
Nguồn vốn: Xổ số kiến thiết

Đơn vị: Sở Y tế

(Kèm theo Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	TÊN DỰ ÁN	Địa điểm xây dựng	Số Quyết định	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí đến năm 2015 (tất cả các nguồn vốn)	Vốn trung hạn NSDP 2016 - 2020 điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn đã giao 03 năm 2016 - 2018	Kế hoạch năm 2019 vốn XSKT	Ghi chú
				Tổng mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách địa phương						
	TỔNG CỘNG				72.957	72.957	43.400	28.000	25.698	2.302	
	Dự án chuyển tiếp				72.957	72.957	43.400	28.000	25.698	2.302	
1	Xây dựng các Trạm y tế xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	Các huyện/thành phố	2014-2016		72.957	72.957	43.400	28.000	25.698	2.302	

Phụ lục
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019
ĐỐI ỨNG CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ

Nguồn vốn: Cân đối ngân sách địa phương
ĐƠN VỊ: SỞ Y TẾ
 (Kèm theo Quyết định số 112/QĐ-UBND, ngày 17/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



ĐVT: Triệu đồng

T T	Danh mục dự án	Nhà tài trợ	Địa điểm thực hiện	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư			Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2018			Kế hoạch vốn đối ứng năm 2019	Ghi chú
						Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
							Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài		Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài		
	TỔNG SỐ					89.931	26.704	63.227	81.797	19.000	62.797	-	
1	Hỗ trợ đầu tư khu xử lý chất thải y tế nguy hại tập trung tỉnh Quảng Ngãi	WB	Xã Hành Dũng	800 kg rác/ngày	2016-2019	89.931	26.704	63.227	81.797	19.000	62.797	-	

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2019

Nguồn vốn: Cân đối ngân sách địa phương (từ nguồn thu tiền sử dụng đất)

Đơn vị: Sở Tài nguyên và Môi trường

(Kèm theo Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	TÊN DỰ ÁN	Đơn vị chủ trì kế hoạch	Địa điểm kế hoạch	Diện tích kế hoạch	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch trung hạn đã giao 03 năm 2016 - 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
						Số Quyết định	Tổng mức đầu tư				
TỔNG CỘNG											
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>							265.830	166.000	97.000	52.000
1	Khu dân cư Yên Phố	Sở Tài nguyên - Môi trường	TP. Quảng Ngãi	65.885m ²	2011-2018	832/QĐ- UBND, 10/6/2011;	123.873	26.000	25.000	1.000	
2	Khu Tái định cư kết hợp phát triển quỹ đất phục vụ xây dựng hệ thống đê bao nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu tại xã Tịnh Kỳ, thành phố Quảng Ngãi	Sở Tài nguyên Môi trường	TP. Quảng Ngãi	7,5ha	2015-2018	312/QĐ- UBND, 29/02/2016	101.957	100.000	50.000	30.000	
3	Khu dân cư Tịnh Kỳ giai đoạn 2	Sở Tài nguyên Môi trường	TP. Quảng Ngãi	3 ha	2017-2020	1416/QĐ- UBND 01/8/2017	40.000	40.000	22.000	21.000	

Phụ lục
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019
VỐN ĐỐI ỨNG CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ

Nguồn vốn: Cân đối ngân sách địa phương

Đơn vị: SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Quyết định số 102/QĐ-UBND, ngày 19/12/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhà tài trợ	Địa điểm thực hiện	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư			Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2018			Kế hoạch vốn đối ứng năm 2019	Ghi chú
						Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
							Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài		Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài		
	TỔNG SỐ					291.903	73.153	218.750	178.368	48.368	130.000	1.370	
1	Xây dựng hệ thống đê bao nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, phát triển hạ tầng khu vực xã Tịnh Kỳ và phía Đông huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi	Nhà tài trợ	TP Quảng Ngãi	Xây dựng mới tuyến đê, kè với chiều dài 3.574,8m	2015-2017	184.903	54.903	130.000	178.368	48.368	130.000	-	
2	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai thực hiện tại tỉnh Quảng Ngãi	WB	08 huyện, thành phố	Đa mục tiêu	2017-2022	107.000	18.250	88.750	-	-	-	1.370	

Phụ lục
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019

Nguồn vốn: Cân đối ngân sách địa phương

Đơn vị: Văn phòng Tỉnh ủy

(Kèm theo Quyết định số 2155/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	TÊN DỰ ÁN	Địa điểm xây dựng	Mức độ ưu tiên	Quyết định đầu tư	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí đến năm 2015	Vốn trung hạn NSBP 2016 - 2020 điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn đã giao 03 năm 2016 - 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú	
					Tổng mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách địa phương						
	TỔNG CỘNG				14.000	14.000	-	12.000	10.000	2.000		
	Dự án chuyển tiếp				14.000	14.000	-	12.000	10.000	2.000		
1	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2015-2020 (giai đoạn 1)	Toàn tỉnh	trung tâm dữ liệu, TB mạng, máy chủ..	2017-2018	2155/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	14.000	14.000		12.000	10.000	2.000	

Phụ lục
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019

Nguồn vốn: Cân đối ngân sách địa phương

Đơn vị: Tỉnh Đoàn

(Kèm theo Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	TÊN DỰ ÁN	Địa điểm xây dựng	Mô hình thiết kế	Năm khởi công	Số quyết định	Quyết định đầu tư		Lý do vốn đã bố trí đến năm 2015	Vốn trung hạn NSDP 2016 - 2020 điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn đã giao 03 năm 2016 - 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
						Tổng mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách địa phương					
	TỔNG CỘNG					144.308	54.934	12.500	38.000	18.000	9.000	
A	Danh mục chuyển tiếp từ năm 2015 sang giai đoạn 2016 - 2020					89.201	39.193	12.500	23.000	15.000	4.000	
1	Trung tâm hoạt động thanh thiếu niên tỉnh Quảng Ngãi	TP. Quảng Ngãi	Nhà 1.889m ² và nhiều	2013-2018	3617a-QĐ/TWĐT N 22/10/2012	89.201	39.193	12.500	23.000	15.000	4.000	
B	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020					55.107	15.741	-	15.000	3.000	5.000	
I	Dự án chuyển tiếp					55.107	15.741	-	15.000	3.000	5.000	
1	Làng thanh niên lập nghiệp Sơn Bua	Sơn Tây	750 ha	2017-2020	978 QĐ/TWĐT N-TNXP ngày 30/10/2015	55.107	15.741		15.000	3.000	5.000	

Phụ lục

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019

Nguồn vốn: Cân đối ngân sách địa phương

Đơn vị: Trường Cao đẳng y tế Đặng Thùy Trâm

(Kèm theo Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng



TT	TÊN DỰ ÁN	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí đến năm 2015	Vốn trung hạn NSDP 2016-2020 điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn đã giao 03 năm 2016-2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
			Ngày quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách địa phương					
	TỔNG CỘNG				14.000	14.000	-	10.000	50	5.000
	Dự án khởi công mới năm 2019				14.000	14.000	-	10.000	50	5.000
1	Sửa chữa, nâng cấp trường Cao đẳng y tế Đặng Thùy Trâm	TPQN	2019-2021	3421/QĐ-SXD ngày 31/10/2018	14.000	14.000		10.000	50	5.000

Phụ lục
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019

Nguồn vốn: Cân đối ngân sách địa phương

Đơn vị: Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh

(Kèm theo Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	TÊN DỰ ÁN	Địa điểm xây dựng	Năm lập kế hoạch	Số Quyết định đầu tư	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2015	Vốn trung hạn NSDP 2016 - 2020 điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn đã giao 03 năm 2016 - 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
					Tổng mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách địa phương					
	TỔNG CỘNG				31.000	31.000	-	26.000	13.200	6.917	
I	Dự án chuyển tiếp				31.000	31.000	-	26.000	13.200	6.917	
1	Đầu tư trang thiết bị sản xuất chương trình PTTH cho phòng viên	TP. Quảng Ngãi	2017-	438/QĐ-UBND ngày 15/3/2017	9.000	9.000		8.000	7.000	917	
2	Cải tạo nhà làm việc Đài Phát thanh truyền hình tỉnh	TP. Quảng Ngãi	2017-	1822/QĐ-SXD ngày 23/6/2017	7.000	7.000		6.000	3.000	2.000	
3	Hệ thống điều khiển, lưu trữ, phát sóng và thiết bị sản xuất chương trình truyền hình tại trung tâm theo chuẩn HD	TP. Quảng Ngãi	2018-	2030/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	15.000	15.000		12.000	3.200	4.000	

Phụ lục
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019
Nguồn vốn: Cân đối ngân sách địa phương

Đơn vị: Công an tỉnh

(Kèm theo Quyết định UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	TÊN DỰ ÁN	Địa điểm xây dựng	Năm lập kế hoạch thiết kế	Năm thực hiện	Số Quyết định đầu tư	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí đến năm 2015	Vốn trung hạn NSDP 2016 - 2020 điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn đã giao 03 năm 2016 - 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
						Tổng mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách địa phương					
TỔNG CỘNG						82.000	77.000	-	64.500	26.500	20.000	
I	Dự án chuyển tiếp					54.000	49.000	-	44.500	26.400	10.000	
1	NLV CA thị trấn chính qui (7 thị trấn)	các huyện	3.150m ²	2017-2020	2152/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	28.000	28.000		26.000	20.000	3.000	
2	Trụ sở làm việc Trạm CSGT đường thủy	Bình Sơn	600m ²	2018-2019	3316/QĐ-SXD ngày 27/10/2017	6.000	6.000		5.000	2.200	2.000	
3	Phòng Quản lý Xuất nhập cảnh	TPQN	Diện tích đất 2.668 m ²	2018-2020	2032/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	20.000	15.000		13.500	4.200	5.000	
II	Dự án khởi công mới năm 2019					28.000	28.000	-	20.000	100	10.000	
4	Nhà làm việc công an 40 xã	Nhiều huyện		2019-2020	1879/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	28.000	28.000		20.000	100	10.000	

Phụ lục
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019
Nguồn vốn: Cân đối ngân sách địa phương

Đơn vị: Công an tỉnh - Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy tỉnh Quảng Ngãi
(Kèm theo Quyết định số 1170/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	TÊN DỰ ÁN	Địa điểm xây dựng	Năm lập thiết kế	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí đến năm 2015	Vốn trung hạn NSDP 2016 - 2020 điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn đã giao 03 năm 2016 - 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú	
				Tổng mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách địa phương						
TỔNG CỘNG					124.500	44.900	-	33.000	20.500	6.000	
I	Dự án chuyển tiếp				124.500	44.900	-	33.000	20.500	6.000	
1	Trụ sở làm việc phòng Cảnh sát PCCC số 01, 03, 05	các huyện		2016-2017	624/QĐ-SXD ngày 10/3/2017; 624/QĐ-SXD ngày 10/3/2017	25.000	25.000	-	16.500	15.500	1.000
2	Xây dựng trụ sở làm việc Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy tỉnh Quảng Ngãi - phần NS tỉnh hỗ trợ	TP. Quảng Ngãi		2018-2019		99.500	19.900		16.500	5.000	5.000

Phụ lục
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019

Nguồn vốn: Cân đối ngân sách địa phương

Đơn vị: Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh

(Kèm theo Quyết định số 1170/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	TÊN DỰ ÁN	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí đến năm 2015	Vốn trung hạn NSDP 2016 - 2020 điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn đã giao 03 năm 2016 - 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú		
				Số mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách địa phương							
TỔNG CỘNG						203.219	140.510	25.400	87.500	57.425	27.000	
I	Dự án chuyển tiếp					176.219	113.510	25.400	67.500	57.325	17.000	
1	Rừng phòng hộ cảnh quan môi trường Lý Sơn	Lý Sơn	Trồng 107,28 ha rừng	2011-2017	966/QĐ-UBND, 8/7/2011	20.110	20.110	12.700	10.000	6.000	2.000	Điều chỉnh tăng TMBT
2	Ban chỉ huy quân sự huyện Sơn Tịnh (mới) - phần bồi thường gpmh	Sơn Tịnh	Bồi thường, GPMB 3,11 ha	2016-2019	1809/QĐ-BQP ngày 21/5/2015	15.000	15.000		14.000	9.000	5.000	
3	Trường bán, thao trường huấn luyện BCHQS tỉnh Quảng Ngãi	Đức Phổ		2016-2018		33.000	33.000	-	23.500	18.125	5.000	
4	Doanh trại trung đội vận tải thủy bộ	TP. Quảng Ngãi		2017-2018	2159/QĐ-SXD ngày 24/7/2017	5.000	5.000		4.000	3.000	1.000	
5	Đường Hầm SCH cơ bản Bình Sơn	Bình Sơn		2020-2022		15.000	15.000		12.000	4.200	4.000	
II	Dự án khởi công mới năm 2019					27.000	27.000	-	20.000	100	10.000	
6	Nhà tiêu đội dân quân thường trực các xã trọng điểm (23 xã)	23 xã		2019-2020	1888/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	27.000	27.000		20.000	100	10.000	

Phụ lục
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019

Nguồn vốn: Cân đối ngân sách địa phương

Đơn vị: Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh

(Kèm theo Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	TÊN DỰ ÁN	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí đến năm 2015	Vốn trung hạn NSDP 2016 - 2020 điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn đã giao 03 năm 2016 - 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
					Mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách địa phương					
TỔNG CỘNG					42.748	42.748	-	33.500	17.250	9.500	
I	Dự án chuyển tiếp				39.748	39.748	-	31.000	17.200	7.000	
1	Sửa chữa, cải tạo một số hạng mục tại cơ quan Bộ chỉ huy BĐBP tỉnh	TP. NL Quảng Ngãi	V4 tầng: DT sàn 1.258 m ²	2017- 2018	2139/QĐ- UBND ngày 31/10/2016	19.748	19.748	17.000	13.000	2.000	
2	Xây dựng mới Đồn Biên phòng Bình Hải	Bình Sơn		2018- 2020	2002/QĐ- UBND ngày 31/10/2017	20.000	20.000	14.000	4.200	5.000	
II	Dự án khởi công mới năm 2019				3.000	3.000	-	2.500	50	2.500	
3	Trạm kiểm soát biên phòng Đức Lợi	Mộ Đức	759m ²	2019	3422/QĐ- SXD ngày 31/10/2018	3.000	3.000	2.500	50	2.500	

Phụ lục
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019

Nguồn vốn: Cân đối ngân sách địa phương

Đơn vị: Liên đoàn lao động tỉnh

(Kèm theo Quyết định số 1584/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	TÊN DỰ ÁN	Địa điểm xây dựng	Năm lập kế hoạch	Số quyết định đầu tư	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí đến năm 2015	Vốn trung hạn NSDP 2016 - 2020 điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn đã giao 03 năm 2016 - 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú	
					Tổng mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách địa phương						
	TỔNG CỘNG				40.000	10.000	-	10.000	5.000	3.000		
I	Dự án chuyển tiếp				40.000	10.000	-	10.000	5.000	3.000		
1	Nhà văn hóa lao động tỉnh	TPQN	Công trình thể thao, cấp III	2017-2018	1584/QĐ-TLĐ, 14/9/2017	40.000	10.000		10.000	5.000	3.000	

Phụ lục
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019

Nguồn vốn: Cân đối ngân sách địa phương

Đơn vị: BQL dự án ĐTXD các công trình Giao thông tỉnh

(Kèm theo Quyết định số 1170/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng



TT	TÊN DỰ ÁN	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Kế hoạch đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí đến năm 2015	Vốn trung hạn NSDP 2016 - 2020 điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn đã giao 03 năm 2016 - 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú		
				Tổng mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách địa phương							
	TỔNG CỘNG				7.019.136	3.737.158	150	1.757.501	199.661	573.000		
*	Bổ trí hoàn trả ứng trước									50.000		
1	Đường bờ Nam sông Trà Khúc	TPQN								50.000		
1	Dự án chuyển tiếp				4.884.136	2.402.158	150	1.137.501	199.461	343.000		
2	Cảng Bến Đình	Lý Sơn	Tàu 1000DWT và tàu 200 ghé	2016-2020	681/QĐ-UBND ngày 04/5/2018	256.796	126.796	150	100.000	83.000	17.000	
3	Đường tránh lũ, cứu hộ, cứu nạn các huyện vùng Tây Quảng Ngãi (đoạn km0-km22+336)	Ba Tơ, Minh Long, Sơn Hà	Đường cấp VI miền núi; 22,336km	2016-2017	926/QĐ-UBND ngày 19/5/2017	150.000	150.000	-	100.000	30.000	35.000	
4	Nâng cấp, mở rộng ĐT.623 (Sơn Hà - Sơn Tây), đoạn Km26-Km27 (nối đến đường Đồng Trường Sơn)	Sơn Tây	1km; Cấp V, miền núi	2017-2019	2140/QĐ-UBND, 31/10/2016	25.000	25.000		23.001	19.261	3.000	
5	Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh Quảng Ngãi-Chợ Chùa	Tư Nghĩa, Nghĩa Hành	5km, Cấp III đồng bằng	2017-2021	2088/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	146.978	10.000		60.000	30.000	20.000	
6	Cầu Cửa Đại	TP. Quảng Ngãi	Tổng chiều dài 2,5km	2017-2021	468/QĐ-UBND, 20/3/2017	2.250.000	40.000		500.000	16.000	200.000	

TT	TÊN DỰ ÁN	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí đến năm 2015	Vốn trung hạn NSDP 2016 - 2020 điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn đầu tư giai đoạn 2016 - 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
					Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách địa phương					
7	Hệ thống điện chiếu sáng đoạn km1027-km1045+780 và cây xanh tại nút giao thông Dốc Sỏi thuộc tuyến QL1A, tỉnh Quảng Ngãi	Bình Sơn	Chiều dài tuyến 18.780 m	2017-2018		45.000	40.000		4.500	4.500	-	Thực hiện dự án từ vốn quỹ đất là 40 tỷ đồng, bổ sung vốn để phù hợp với Luật Đầu tư công
8	Nâng cấp tuyến đường ĐT.624B (Quần Lát - Đá Chấm), từ KM0-KM8	Mộ Đức	8km	2018-2022		100.000	100.000		30.000	8.300	12.000	Vốn đã bố trí 2016 - 2018 chưa bao gồm 20 tỷ đồng vượt thu 2017
9	Nâng cấp, mở rộng tuyến ĐT.623B (Quảng Ngãi - Thạch Nham), giai đoạn 2	Tư Nghĩa, TP. Quảng Ngãi	Đường cấp IV đồng bằng, L=8,8Km	2018-2022	2003/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	167.362	167.362		40.000	8.400	16.000	Vốn đã bố trí 2016 - 2018 chưa bao gồm 30 tỷ đồng vượt thu 2017
10	Đập dâng hạ lưu sông Trà Khúc	TPQN	Đập dài 893m; cầu giao thông dài 1.125m	2018-2021	1994/QĐ-UBND ngày 27/10/2017	1.498.000	1.498.000		150.000	-	-	
11	Cầu Sông Rìn	Sơn Hà	3.561km, trong đó: cầu sông Rìn dài 319m	2018-2021	1680/QĐ-UBND ngày 09/10/2018	245.000	245.000		130.000	-	40.000	Chưa tính 80 tỷ đồng bố trí năm 2018 từ nguồn vượt thu
II	Dự án khởi công mới năm 2019					2.135.000	1.335.000	-	620.000	200	180.000	
12	Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, giai đoạn IIa	Mộ Đức	13,2km	2019-2022	523/QĐ-UBND ngày 14/3/2007	2.000.000	1.200.000		500.000		140.000	Đồng thời bố trí từ nguồn thu sử dụng đất (các doanh nghiệp đầu tư BDS) là 54,4 tỷ đồng
13	Nâng cấp tuyến đường từ đường tránh Đông di Thu Xã	TPQN, Tư Nghĩa		2019-2020	1923/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	135.000	135.000		120.000	200	40.000	

Phụ lục

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019

Danh mục dự án sử dụng vốn Khuyến khích đầu tư và tham gia dự án PPP

Nguồn vốn: Cân đối ngân sách địa phương

Đơn vị: BQL dự án ĐTXD các công trình Giao thông tỉnh

(Kèm theo Quyết định số 1170/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	TÊN DỰ ÁN	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh	Lấy kế vốn đã bố trí đến hết 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
				Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách địa phương				
	Tổng cộng				69.986	69.986	-	10.000	15.000	
I	Danh mục dự án sử dụng vốn PPP trong 03 năm 2016 - 2018									
1	Tuyến đường nối từ đường ĐT.623B vào khu vực dự án Khu sinh thái, nghỉ dưỡng tâm hồn Suối nước nóng Nghĩa Thuận.	BQLDA Đầu tư Xây dựng các công trình giao thông	Tư Nghĩa	2010/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	69.986	69.986		10.000	15.000	

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2019

Nguồn vốn: Cân đối ngân sách địa phương (từ nguồn thu tiền sử dụng đất)

Đầu tư QL dự án ĐTXD các công trình Giao thông tỉnh
(Kèm theo Quyết định số 100/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	TÊN DỰ ÁN	Địa điểm	Chiều dài dự kiến	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch trung hạn đã giao 03 năm 2016 - 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
					Số Quyết định	Tổng mức đầu tư				
	TỔNG CỘNG					2.044.476	540.000	40.000	54.400	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>					44.476	40.000	40.000	-	
1	Hệ thống điện chiếu sáng đoạn km1027-km1045+780 và cây xanh tại nút giao thông dốc sồi thuộc tuyến QL1A, tỉnh Quảng Ngãi	Bình Sơn, Sơn Tịnh	Đầu tư mới đường dây từ km1027-km1045+780 và các nút cây xanh	2017-2019	2150/QĐ-UBND 31/10/2016	44.476	40.000	40.000		
	Thu từ các doanh nghiệp đầu tư BĐS								54.400	
2	Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, giai đoạn IIa	Mộ Đức, Đức Phổ	13,2km	2019-2022	523/QĐ-UBND ngày 14/3/2007	2.000.000	500.000		54.400	

Phụ lục
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019

Nguồn vốn: Cân đối ngân sách địa phương

Đơn vị: Bộ Kế hoạch và Đầu tư các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh
(Kèm theo Quyết định số 178/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	TÊN DỰ ÁN	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí đến năm 2015	Vốn trung hạn NSDP 2016 - 2020 điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn đã giao 03 năm 2016 - 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú	
				Tổng mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách địa phương						
TỔNG CỘNG						742.397	625.547	80.013	427.228	212.231	117.950
I	Dự án chuyển tiếp				562.762	455.912	80.013	327.228	211.731	67.950	
1	Đường bờ Đông sông Kinh Giang (nổi dài) thuộc hạ tầng KDL Mỹ Khê	TP. Quảng Ngãi	3504m	2012-2017	1621/QĐ-UBND, 16/11/2010	83.298	55.598	44.562	13.128	3.781	4.000
2	Đường trục chính Khu du lịch Sa Huỳnh (nổi dài)	Đức Phổ	4,2 km	2013-2018	1604/QĐ-UBND 30/10/2011; 1721/QĐ-UBND, 8/11/2012	117.147	79.891	27.451	43.400	36.400	6.000
3	Xây dựng Nhà luyện tập thi đấu đa năng tỉnh	TP Quảng Ngãi	9.440m ²	2015-2019	1668/QĐ-UBND 25/9/2015	55.274	55.274	8.000	43.000	39.000	2.000
4	Trường THPT Lê Trung Đình - Đền bà GPMB; xây dựng 12 phòng học, hội trường (giai đoạn 2)	TP. Quảng Ngãi	2.001 m ² sân	2016-2018	21/QĐ-UBND, 12/01/2016	25.014	25.014	-	22.500	12.750	4.750
5	Trường GD trẻ khuyết tật - GPMB; XD nhà hiệu bộ, tường rào	TP. Quảng Ngãi	711 m ² sân	2017	544/QĐ-SXD ngày 02/3/2017	7.197	7.197		7.000	4.000	2.000
6	Trường THPT Chu Văn An - Nhà lớp học 10 phòng 2 tầng	Tư Nghĩa	966 m ² sân	2017-2018	892/QĐ-SXD ngày 31/3/2017	7.215	7.215		6.000	4.800	1.200

TT	TÊN DỰ ÁN	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí đến năm 2015	Vốn trung hạn NSDP 2016 - 2020 điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn đã giao 03 năm 2016 - 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
					Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách địa phương					
7	Trường THPT số 1 Tư Nghĩa - Cải tạo mở rộng khu hiệu bộ; xây dựng tường rào, cổng ngõ phía Đông.	Tư Nghĩa	956 m2 sàn	2017-2018	424/QĐ-SXD, 21/2/2017	7.200	7.200		7.000	6.000	1.000	
8	Trường THCS DTNT Tây Trà - Đền bù mở rộng diện tích; xây dựng nhà học bộ môn; nhà công vụ giáo viên 06 phòng.	Tây Trà	854 m2 sàn	2017-2018	755/QĐ-SXD, 24/3/2017	10.000	10.000		9.000	8.000	1.000	
9	Trường THPT Lê Quý Đôn - Nhà lớp học 8 phòng 2 tầng	Bình Sơn	761 m2 sàn	2017	471/QĐ-SXD, 23/12/2016	5.693	5.693		5.000	4.000	1.000	
10	Trung tâm thông tin triển lãm tỉnh Quảng Ngãi	TP Quảng Ngãi	Khởi nhà chính 1.500m2	2017-2019	2033/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	27.000	27.000		20.000	800	8.000	
11	Hạ tầng Khu du lịch Mỹ Khê	TP Quảng Ngãi	Mở rộng đường trục chính 1,7km	2017-2020	1562/QĐ-UBND ngày 23/8/2017	51.894	10.000		10.000	10.000		
12	Trụ sở làm việc Ban quản lý dự án các công trình Giao thông tỉnh	TP. Quảng Ngãi	2.885m2	2017-2019	553/QĐ-UBND ngày 31/3/2017, 1963/QĐ-UBND ngày 01/11/2018	39.949	39.949		35.000	20.000	8.000	
13	Trường Chính trị tỉnh	TP. Quảng Ngãi	Diện tích sàn 6.630m2	2017-2020	791/QĐ-UBND ngày 27/4/2017	56.781	56.781		50.000	37.000	7.000	
14	Nâng cấp, sửa chữa BVĐK tỉnh	TP. Quảng Ngãi		2017-2020	554/QĐ-UBND ngày 31/3/2017	44.100	44.100		42.000	25.000	10.000	

TT	TÊN DỰ ÁN	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí đến năm 2015	Vốn trung hạn NSBP 2016 - 2020 điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn đã giao 03 năm 2016 - 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
					Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách địa phương					
15	Khu du lịch văn hóa Thiên Ân	TP Quảng Ngãi	67,4 ha	2018-2020	2028/QĐ-UBND, 31/10/2017	25.000	25.000		14.200	200	12.000	Triển khai 2018 từ vốn vượt thu 08 tỷ đồng
II	Dự án khởi công mới năm 2019					179.636	169.636		100.000	500	50.000	
16	Bệnh viện y học cổ truyền	TPQN	9.700 m2	2019-2022	1916/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	126.000	126.000		60.000	200	30.000	
17	Công viên tỉnh Quảng Ngãi - Hạng mục: đường trục phía Nam công viên	TP. Quảng Ngãi		2019-2020	1929/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	40.000	30.000		30.000	200	15.000	
18	Trường THPT Nguyễn Công Trứ - Nhà học bộ môn	Mộ Đức	854 m2 sàn	2019-2020	3417/QĐ-SXD ngày 30/10/2018	6.960	6.960		5.000	50	2.500	
19	Trường THPT Đinh Tiên Hoàng - Nhà tập đa năng	Sơn Tây	819 m2 sàn	2019-2020	3414/QĐ-SXD ngày 30/10/2018	6.676	6.676		5.000	50	2.500	

Phụ lục

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019

Danh mục dự án sử dụng vốn Khuyến khích đầu tư và tham gia dự án PPP

Nguồn vốn: Cân đối ngân sách địa phương

Đơn vị: UBND TP. Quy Nhơn ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh

(Kèm theo Quyết định số 1919/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	TÊN DỰ ÁN	Mã dự án	Mã điểm xây dựng	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
				Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách địa phương				
	Tổng cộng				111.736	111.736	-	3.000	20.000	
I	Danh mục dự án sử dụng vốn PPP trong 03 năm 2016 - 2018									
1	Khu liên hợp thể dục thể thao tỉnh	BQL DA	TPQN	1919/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	111.736	111.736		3.000	20.000	

Phụ lục

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019

Nguồn vốn: Xổ số kiến thiết

Đơn vị: Bộ phận BTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh

(Kèm theo Quyết định số 109/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	TÊN DỰ ÁN	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí đến năm 2015 (tất cả các nguồn vốn)	Vốn trung hạn NSDP 2016 - 2020 điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn đã giao 03 năm 2016 - 2018	Kế hoạch năm 2019 vốn XSKT	Ghi chú	
			Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách địa phương						
TỔNG CỘNG				198.052	198.052	-	151.609	50.950	72.698		
I	Bố trí hoàn trả ứng trước			-	-	-	-	-	25.000		
1	Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ngãi	TPQN							25.000		
II	Dự án chuyển tiếp			177.092	177.092	-	135.609	50.500	39.598		
1	Trường THPT chuyên Lê Khiết - Cải tạo, xây dựng phòng học, các hạng mục thiết yếu đạt tiêu chuẩn trường chuyên (giai đoạn 1)	TP. Quảng Ngãi	2018	2011/QĐ-UBND, 31/10/2017	55.000	55.000		45.609	10.300	20.309	
2	Trường THCS DTNT Sơn Hà - Nhà lớp học 8 phòng 2 tầng	Sơn Hà	717 m2 sàn	2018	3225/QĐ-SXD ngày 24/10/2017	5.399	5.399		5.000	3.200	1.800
3	Trường THPT số 2 Mộ Đức - Nhà lớp học 8 phòng 2 tầng	Mộ Đức	761 m2 sàn	2018	3240/QĐ-SXD ngày 24/10/2017	5.693	5.693		5.000	3.200	1.800
4	Nâng cấp BVĐK tỉnh lên hạng I	TP. Quảng Ngãi		2018-2020		111.000	111.000		80.000	33.800	15.689
III	Dự án khởi công mới năm 2019					20.960	20.960	-	16.000	450	8.100
5	Trường THPT Lý Sơn - Nhà học bộ môn	Lý Sơn	854 m2 sàn	2019-2020	3037/QĐ-SXD ngày 10/10/2017	7.324	7.324		6.000	350	3.100
6	Trường THPT Tây Trà - Nhà tập đa năng	Tây Trà	819 m2 sàn	2019-2020	3413/QĐ-SXD ngày 30/10/2018	6.676	6.676		5.000	50	2.500
7	Trường THPT Phạm Kiệt - Nhà học bộ môn	Ba Tơ	854 m2 sàn	2019-2020	3415/QĐ-SXD ngày 30/10/2018	6.960	6.960		5.000	50	2.500

Phụ lục
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019

Nguồn vốn: Cân đối ngân sách địa phương

Đơn vị: Triệu đồng

Dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT

(Kèm theo Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	TÊN DỰ ÁN	Địa điểm xây dựng	Diện tích	Năm	Quyết định	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí đến năm 2015	Vốn trung hạn NSDP 2016 - 2020 điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn đã giao 03 năm 2016 - 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
						Tổng mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách địa phương					
TỔNG CỘNG						588.186	435.982	35.060	252.500	90.300	89.100	
A	Danh mục chuyển tiếp từ năm 2015 sang giai đoạn 2016 - 2020					217.402	133.198	35.060	52.500	35.500	9.000	
1	Đê kè Hòa Hà	Tư Nghĩa	4.982m đê	2010-2015	1691/QĐ-UBND, 30/10/2009; 784/QĐ-UBND, 3/6/2011	168.407	84.204	20.000	27.500	12.500	7.000	Điều chỉnh quy mô dự án
2	Tiểu vùng, thoát lũ khu công nghiệp VSIP Quảng Ngãi gđ1	Sơn Tịnh	Chiều dài kè 2.563 m	2015-2018	462/QĐ-UBND, 06/4/2015	48.995	48.995	15.060	25.000	23.000	2.000	
B	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020					370.784	302.784	-	200.000	54.800	80.100	
I	Dự án chuyển tiếp					287.993	219.993	-	147.500	54.600	47.900	
1	Sửa chữa, nâng cấp đập dâng đầu mối và kiên cố Kênh sông Giang, huyện Sơn Tịnh	Sơn Tịnh	4000m; 900ha	2016-2017	1295/QĐ-UBND ngày 13/7/2017	14.998	14.998		10.000	8.000	2.000	
2	Các tuyến đê huyện Bình Sơn; Đập ngăn mặn Trà Bồng	Bình Sơn	281,6m	2018-2020	556/QĐ-UBND, 31/3/2017	170.000	102.000		65.000	30.000	20.000	
3	Sửa chữa các nhà kho chứa dựm sản phẩm Trạm giống cây nông nghiệp Đức Hiệp	Mộ Đức		2018	3260/QĐ-SXD ngày 25/10/2017	3.000	3.000		2.500	2.100	400	

TT	TÊN DỰ ÁN	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí đến năm 2015	Vốn trung hạn NSDP 2016 - 2020 điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn đã giao 03 năm 2016 - 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
					Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách địa phương					
4	Đập ngăn mặn Bình Nguyễn và Bình Phước	Bình Sơn	Dài 300m	2018-2020	2012/QĐ-UBND ngày 31/3/2017	99.995	99.995		70.000	14.500	25.500	
II	Dự án khởi công mới năm 2019					82.791	82.791	-	52.500	200	32.200	
1	Kênh tiêu, thoát nước Từ Ty (đoạn qua Phường Quảng Phú)	TPQN	3.000m	2019-2022	1890/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	79.892	79.892		50.000	100	30.000	
2	Sửa chữa hệ thống phao lường tại các Cảng cá Sa Huỳnh, Lý Sơn, Sa Kỳ	Đức Phổ, Lý Sơn, TP. Quảng Ngãi	Sửa chữa, đầu tư mới phao lường	2019	1156/QĐ-SGTVT ngày 30/10/2017	2.899	2.899		2.500	100	2.200	

Phụ lục
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019
ĐỐI ƯNG CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ
 Nguồn vốn: Cân đối ngân sách địa phương
ĐƠN VỊ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
 (Kèm theo Quyết định số 470/QĐ-UBND, ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhà tài trợ	Địa điểm thực hiện	Mục đích và nội dung công việc thiết kế	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư			Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2018			Kế hoạch vốn đối ứng năm 2019	Ghi chú
						Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
							Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài		Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài		
	TỔNG SỐ					583.465	125.510	457.955	17.500	17.500	-	7.000	
1	Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung - tỉnh Quảng Ngãi	WB	Các huyện	Đa mục tiêu	2017-2020	437.310	75.710	361.600	17.500	17.500	-	2.000	
2	Xây dựng tuyến đê biển nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu tại khu vực thôn Thạnh Đức, xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	Nhà tài trợ	Huyện Đức Phổ	2.420m đê và kè	2018-2020	146.155	49.800	96.355	-	-	-	5.000	

Phụ lục
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019

Nguồn vốn: Cân đối ngân sách địa phương

Đơn vị: BQL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi

(Kèm theo Quyết định số 1190/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	TÊN DỰ ÁN	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí đến năm 2015	Vốn trung hạn NSDP 2016 - 2020 điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn đã giao 03 năm 2016 - 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú		
			Tổng mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách địa phương	Quyết định							
	TỔNG CỘNG				2.660.917	525.489	5.000	439.500	103.900	179.000		
A	Danh mục chuyển tiếp từ năm 2015 sang giai đoạn 2016 - 2020				2.245.428	110.000	5.000	160.000	47.000	88.000		
1	Dự án thành phần II đoạn Bình Long - cảng Dung Quất (giai đoạn 2)	Bình Sơn	9 km	2013-2017	117/QĐ-BQL ngày 21/3/2006, 629/QĐ-BQL ngày 23/9/2008	446.978	20.000	-	20.000	-	20.000	KH2019 hoàn ứng 20 tỷ đồng
2	Xây dựng đường giao thông trục chính nối Trung tâm phía Bắc và phía Nam đô thị Vạn Tường	Bình Sơn	9,644 km	2014-2018	1448/QĐ-UBND ngày 30/9/2011	397.712	20.000	5.000	20.000	-	15.000	
3	Dự án Cầu Trà Bồng (trên tuyến Dốc Sỏi - Dung Quất)	Bình Sơn	450 m	2014-2017	1605/QĐ-UBND, 31/10/2013	287.461	30.000	-	30.000	17.000	13.000	KH2019 hoàn ứng 10 tỷ đồng
4	Đường Trì Bình - Cảng Dung Quất (giai đoạn 1)	Bình Sơn	6,257km	2014-2018	648/QĐ-UBND 29/4/2014	1.113.277	40.000		90.000	30.000	40.000	
B	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020					415.489	415.489	-	279.500	56.900	91.000	

TT	TÊN DỰ ÁN	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí đến năm 2015	Vốn trung hạn NSDP 2016 - 2020 điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn đã giao 03 năm 2016 - 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
					Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách địa phương					
I	Dự án chuyển tiếp					388.944	388.944	-	259.500	56.800	81.000	
1	Nghĩa địa Bình Đông	Bình Sơn	Diện tích 3,36 ha	2016-2018	1964/QĐ-UBND ngày 24/10/2016	14.291	14.291	-	10.000	9.000	1.000	
2	Mặt đường, vỉa hè, điện chiếu sáng, cấp thoát nước đường số 8 KCN Tịnh Phong	Sơn Tịnh	828,9m	2017-2019	235/QĐ-BQL ngày 24/7/2017	19.463	19.463		17.000	10.000	5.000	
3	Hệ thống xử lý nước thải KCN Tịnh Phong (giai đoạn 1)	Sơn Tịnh	1.000m ³ /ngày, đêm	2017-2019	254/QĐ-BQL ngày 16/8/2017	47.190	47.190		40.000	15.000	15.000	
4	Xây dựng nghĩa trang nhân dân Phụng Hoàng	Bình Sơn	12 ha	2018-2020	421/QĐ-BQL ngày 30/10/2017	30.000	30.000		20.000	5.300	10.000	
5	Kè chắn cát cảng Dung Quất (giai đoạn 2)	Bình Sơn	500m	2018-2022	1979/QĐ-UBND ngày 26/10/2017	278.000	278.000		172.500	17.500	50.000	Được bổ sung 70 tỷ đồng từ nguồn thu Tập đoàn Hòa Phát
II	Dự án khởi công mới năm 2019					26.545	26.545	-	20.000	100	10.000	
1	Đường số 6 KCN Tịnh Phong	Sơn Tịnh	863m	2019-2020	344/QĐ-BQL ngày 31/10/2018	26.545	26.545		20.000	100	10.000	

Phụ lục
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019

Nguồn vốn: Cân đối ngân sách địa phương

Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi
(Kèm theo Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	TÊN DỰ ÁN	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí đến năm 2015	Vốn trung hạn NSDP 2016 - 2020 điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn đã giao 03 năm 2016 - 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú	
			Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách địa phương						
	TỔNG CỘNG				368.000	97.600	48.000	25.589	18.041	7.548	
A	Danh mục chuyển tiếp từ năm 2015 sang giai đoạn 2016 - 2020				338.000	67.600	48.000	13.589	11.000	2.589	
1	Tiêu úng, thoát lũ, chống sạt lở vùng hạ lưu sông Thoà	Mộ Đức, Đức Phổ, Nghĩa Hành	100ha	2011-2015	527/QĐ-UBND, 31/3/2009	338.000	67.600	48.000	13.589	11.000	2.589
B	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020				30.000	30.000	-	12.000	7.041	4.959	
1	Dự án chuyển tiếp				30.000	30.000	-	12.000	7.041	4.959	
1	Chống ngập úng Khu công nghiệp VSIP Quảng Ngãi đoạn qua kênh B10 và khu vực lân cận	Sơn Tịnh	Nâng cấp 2km, xd mới 2,4km kênh tiêu	2016-2017	2029/QĐ-UBND ngày 26/10/2016	30.000	30.000	12.000	7.041	4.959	

Phụ lục
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019

Nguồn vốn: Cân đối ngân sách địa phương

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Đầu tư xây dựng và Kinh doanh dịch vụ tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	TÊN DỰ ÁN	Địa điểm xây dựng	Năm lập kế hoạch thiết kế	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí đến năm 2015	Vốn trung hạn NSDP 2016 - 2020 điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn đã giao 03 năm 2016 - 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú	
				Tổng mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách địa phương						
	TỔNG CỘNG				44.233	44.233	30.250	9.200	7.965	1.235	
	Danh mục chuyển tiếp từ năm 2015 sang giai đoạn 2016 - 2020				44.233	44.233	30.250	9.200	7.965	1.235	
	Chính trang mặt tiền KCN Tịnh Phong (hạng mục Nâng cấp tuyến đường số 7 kết nối vào đường gom KCN VSIP)	Sơn Tịnh	1,547km	2014-2016	1576/QĐ-UBND; 30/10/2013	44.233	44.233	30.250	9.200	7.965	1.235

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2019

Nguồn vốn: Cân đối ngân sách địa phương (từ nguồn thu tiền sử dụng đất)

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Đầu tư xây dựng và Kinh doanh dịch vụ tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Quyết định số 1170/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	TÊN DỰ ÁN	Hình thức đầu tư	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch trung hạn đã giao 03 năm 2016 - 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú	
						Số Quyết định	Tổng mức đầu tư					
TỔNG CỘNG								1.516.753	1.050.400	227.000	92.000	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>							1.516.753	1.050.400	227.000	92.000	
1	Khu dân cư trục đường Bàu Giang - Chu Mới	QISC	TP. Quảng Ngãi	2.227m ²		932/QĐ-UBND, 20/6/2012; 1077/QĐ-UBND, 30/6/2015	641.777	354.900	60.000	30.000		
2	Đường Chu Văn An và khu dân cư (đoạn từ đường Hai Bà Trưng đến Ngõ Sý Liên)	QISC	TP. Quảng Ngãi	san nền 5,43ha và 876m đường	2016-2020	505/QĐ-UBND 31/3/2016	319.891	284.400	55.000	25.000	Thực hiện điều chỉnh dự án, Chủ đầu tư theo CV 7465/UBND-CNXD ngày 07/12/2018	
3	KDC phía Nam đường Hai Bà Trưng, thành phố Quảng Ngãi (giai đoạn 1)	QISC	TP. Quảng Ngãi	san nền 6,44ha	2016-2018	446/QĐ-UBND 24/3/2016	246.537	181.100	47.000	15.000		
4	Khu dân cư phía Bắc Đường Huỳnh Thúc Kháng	QISC	TP. Quảng Ngãi	74.911m ²	2017-2019	1652/QĐ-UBND 01/9/2017	167.000	130.000	20.000	12.000		
5	Kè và Khu dân cư nam sông Vệ	QISC	Mộ Đức	19,97 ha	2017-2019	1973/QĐ-UBND, 29/9/2017	141.548	100.000	45.000	10.000		

Phụ lục
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019

Nguồn vốn: Cân đối ngân sách địa phương

Đơn vị: UBND huyện Bình Sơn

(Kèm theo Quyết định số 1170/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng



TT	TÊN DỰ ÁN	Địa điểm xây dựng	Năm lập & thiết kế	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí đến năm 2015	Vốn trung hạn NSDP 2016-2020 điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn đã giao 03 năm 2016-2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú	
				Tổng mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách địa phương						
TỔNG CỘNG					183.500	112.900	-	92.000	24.300	69.266	
A	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020				183.500	112.900	-	92.000	24.300	40.000	
I	Dự án chuyển tiếp				114.500	71.500	-	62.000	24.200	25.000	
1	Đường kẻ Bắc sông Trà Bồng (đoạn hạ lưu cầu Châu Ô)	Bình Sơn	1,2km	2017-2020	2173/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	72.000	29.000	29.000	18.000	6.000	
2	Đường vào đập tràn Vực Bà	Bình Sơn	5 km	2018-2020	1980/QĐ-UBND ngày 27/10/2017	15.000	15.000	13.000	4.200	5.000	
3	Thủy lợi Đồng Sông (đập và kênh)	Bình Sơn	Tuổi 55 ha	2018-2020	2007/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	27.500	27.500	20.000	2.000	14.000	
II	Dự án khởi công mới năm 2019				69.000	41.400	-	30.000	100	15.000	
4	Đường vành đai Tây Bắc Thị trấn Châu Ô	Bình Sơn	1,22 km	2019-2021	1924/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	69.000	41.400	30.000	100	15.000	Vốn tỉnh 60%, vốn huyện 40%
B	Vốn phân cấp theo Quyết định số 55/2015/QĐ-UBND ngày 15/12/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi									29.266	Bố trí tối thiểu 30% cho xây dựng nông thôn mới; 20% cho Giáo dục - Đào tạo.

Phụ lục
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019

Nguồn vốn: Cân đối ngân sách địa phương

Đơn vị: UBND huyện Sơn Tịnh

(Kèm theo Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	TÊN DỰ ÁN	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí đến năm 2015	Vốn trung hạn NSDP 2016 - 2020 điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn đã giao 03 năm 2016 - 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
					Tổng mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách địa phương					
TỔNG CỘNG					591.227	506.977	70.000	285.000	215.900	62.417	
A	Danh mục chuyển tiếp từ năm 2015 sang giai đoạn 2016 - 2020				366.877	346.877	70.000	200.000	182.000	10.000	
1	Khu chính trị - hành chính huyện Sơn Tịnh (mới)	Sơn Tịnh	5 ha	2014-2018	1612/QĐ-UBND, 30/10/2014	173.015	173.015	40.000	100.000	92.000	Đang quyết toán dự án
2	Đường trục chính trung tâm Nam - Bắc thị trấn Sơn Tịnh (mới)	Sơn Tịnh	Chiều dài đường 1.473,08 m	2014-2019	1602/QĐ-UBND, 30/10/2014	193.862	173.862	30.000	100.000	90.000	10.000
B	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020					224.350	159.200	-	85.000	33.900	33.000
I	Dự án chuyển tiếp					142.350	110.000	-	50.000	33.800	13.000
3	Tuyến D7 trung tâm huyện lỵ Sơn Tịnh mới	Sơn Tịnh	L=0,66m Bn=20,5 m	2017-2019	2145/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	41.437	30.000		30.000	26.500	3.000
4	Tuyến D9 trung tâm huyện lỵ Sơn Tịnh mới	Sơn Tịnh	1,04km	2018-2021	1984/QĐ-UBND ngày 27/10/2017	100.913	80.000		20.000	7.300	10.000
II	Dự án khởi công mới năm 2019					82.000	49.200	-	35.000	100	20.000

TT	TÊN DỰ ÁN	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí đến năm 2015	Vốn trung hạn NSDP 2016 - 2020 điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn đã giao 03 năm 2016 - 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
					Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách địa phương					
5	Tuyến N9 trung tâm huyện lỵ Sơn Tịnh mới	Sơn Tịnh	1,6km	2019-2021	1921/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	82.000	49.200		35.000	100	20.000	Vốn tỉnh 60%, vốn huyện 40%
C	Vốn phân cấp theo Quyết định số 55/2015/QĐ-UBND ngày 15/12/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi										19.417	Bố trí tối thiểu 30% cho xây dựng nông thôn mới; 20% cho Giáo dục - Đào tạo.

Phụ lục
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019

Nguồn vốn: Cân đối ngân sách địa phương

Đơn vị: UBND thành phố Quảng Ngãi

(Kèm theo Quyết định số 1179/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	TÊN DỰ ÁN	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư	Duyệt định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2015	Vốn trung hạn NSDP 2016 - 2020 điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn đã giao 03 năm 2016 - 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú	
					Tổng mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách địa phương						
TỔNG CỘNG					1.171.924	1.038.056	-	961.000	434.742	404.206		
A	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020				1.171.924	1.038.056	-	961.000	434.742	309.500		
I	Dự án chuyển tiếp				1.171.924	1.038.056	-	961.000	434.742	309.500		
1	Cầu Thạch Bích	TP. Quảng Ngãi	chu 875,65m; đường dẫn 1.549,07	2016-2020	323/QĐ-UBND 03/3/2016	643.184	560.000	-	511.000	351.242	150.000	KH2019 hoàn trả 100 tỷ đồng ứng trước tại QĐ 1588/QĐ-UBND ngày 19/9/2018
2	Nghĩa địa thành phố (giai đoạn 2)	TP. Quảng Ngãi	9,31 ha	2016-2020	2363/QĐ-UBND, 30/12/2015	56.281	39.397	-	39.000	34.000	3.000	
3	Khu dân cư phục vụ tái định cư Khu II Đê bao, thành phố Quảng Ngãi	TP. Quảng Ngãi	6,37 ha	2016-2020	1964/QĐ-UBND, 30/10/2015	296.459	296.459	-	190.000	10.000	70.000	
4	Đường nối từ đường Hùng vương đến đường Nguyễn Tự Tân (đoạn qua Đài PTTT tỉnh)	TP. Quảng Ngãi	Đường phố với chiều dài 266m	2017-2020	7501/QĐ-UBND, 31/10/2016	7.000	7.000		6.000	4.500	1.500	
5	Cầu An Phú qua sông Phú Thọ	TP. Quảng Ngãi	372m	2017-2021	1192/QĐ-UBND ngày 26/6/2017	169.000	135.200		115.000	35.000	35.000	

TT	TÊN DỰ ÁN	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí đến năm 2015	Vốn trung hạn NSDP 2016 - 2020 điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn đã giao 03 năm 2016 - 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
					Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách địa phương					
6	Đường Chu Văn An (đoạn từ đường Ngô Sĩ Liên đến đường Hùng Vương)	TPQN		2019-2022					100.000		50.000	Thực hiện điều chỉnh dự án, Chủ đầu tư theo CV 7465/UBND-CNXD ngày 07/12/2018
B	Vốn phân cấp theo Quyết định số 55/2015/QĐ-UBND ngày 15/12/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi										94.706	Bố trí tối thiểu 30% cho xây dựng nông thôn mới; 20% cho Giáo dục - Đào tạo.

Phụ lục

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019

Danh mục dự án sử dụng vốn Khuyến khích đầu tư và tham gia dự án PPP

Sử dụng vốn: Cân đối ngân sách địa phương

Chủ trì: UBND thành phố Quảng Ngãi

(Kèm theo Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	TÊN DỰ ÁN	Hình thức xây dựng	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh	Lấy kế vốn đã bố trí đến hết 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
			Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách địa phương				
	Tổng cộng			65.000	65.000	-	596	25.000	
I	Danh mục dự án sử dụng vốn PPP trong 03 năm 2016 - 2018			20.000	20.000	-	596	10.000	
2	ĐT XD tuyến đường Phan Bội Châu nối dài	TPQN	2594/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	20.000	20.000		596,304	10.000	Thực hiện điều chỉnh dự án, Chủ đầu tư theo CV 7463/UBND-CNXD ngày 07/12/2018
II	Dự án khởi công mới năm 2019			45.000	45.000	-	-	15.000	
1	Đường vào nhà máy xử lý rác Đồng Nà	TPQN	1928/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	45.000	45.000		-	15.000	

Phụ lục
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019

Nguồn vốn: Cầu đối ngân sách địa phương

Đơn vị: UBND huyện Tư Nghĩa

(Kèm theo Quyết định số 170/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	TÊN DỰ ÁN	Năng lực thiết kế	Định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí đến năm 2015	Vốn trung hạn NSDP 2016 - 2020 điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn đã giao 03 năm 2016 - 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú	
			Ngân sách đầu tư	Trong đó: Ngân sách địa phương						
	TỔNG CỘNG			210.186	139.186	-	120.200	42.850	75.338	
A	Bố trí hoàn trả ứng trước								3.600	
1	Hỗ trợ công trình Đường ống dẫn nước từ HCN Hóc Xoài về Hồ Hồ Tạc và Hồ Tre, Tư Nghĩa								3.600	
B	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020			210.186	139.186	-	120.200	42.850	48.000	
I	Dự án chuyển tiếp			186.036	115.036	-	100.200	42.700	38.000	
2	Đường Nghĩa Phương - Nghĩa Mỹ	Đường cấp IV đồng bằng, dài 1.751m	2017-2020	2128/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	47.036	47.036	42.000	22.500	15.000	
3	Đường trục chính phía Tây thị trấn La Hà	1,225km	2017-2021	1668/QĐ-UBND ngày 07/9/2017	114.000	43.000	43.000	20.000	13.000	
4	Đường Bàu Giang - Nghĩa Hành, đoạn qua huyện Tư Nghĩa (gd2)	3 km	2018-2019	1967/QĐ-UBND ngày 25/10/2017	25.000	25.000	15.200	200	10.000	Được bổ sung vượt thu 2017 là 10 tỷ đồng
II	Dự án khởi công mới năm 2019			24.150	24.150	-	20.000	150	10.000	
5	Cầu Phò thuộc tuyến đường cụm công nghiệp La Hà, huyện Tư Nghĩa đi Nghĩa Hành	36m	2019-2021	1898/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	24.150	24.150	20.000	150	10.000	
C	Vốn phân cấp theo Quyết định số 55/2015/QĐ-UBND ngày 15/12/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi								23.738	Bố trí tối thiểu 30% cho xây dựng nông thôn mới; 20% cho Giáo dục - Đào tạo.
										150

Phụ lục
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019

Nguồn vốn: Cân đối ngân sách địa phương

Đơn vị: UBND huyện Mộ Đức

(Kèm theo Quyết định số 170/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	TÊN DỰ ÁN	Địa điểm xây dựng	Năm lập kế hoạch thiết kế	Năm thực hiện	Quyết định đầu tư	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí đến năm 2015	Vốn trung hạn NSDP 2016 - 2020 điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn đã giao 03 năm 2016 - 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
						Tổng mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách địa phương					
	TỔNG CỘNG					225.601	182.101	16.291	138.500	57.150	70.545	
A	Danh mục chuyển tiếp từ năm 2015 sang giai đoạn 2016 - 2020					35.601	35.601	16.291	17.000	15.050		
1	Nhà làm việc Huyện ủy Mộ Đức	Mộ Đức	Nhà làm việc 3 tầng, dt sàn 1.800 m ² ; hội trường 350 chỗ	2014-2017	1382/QĐ-UBND, 20/9/2012	35.601	35.601	16.291	17.000	15.050		Hoàn thành, đang thực hiện Quyết toán dự án
B	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020					190.000	146.500	-	121.500	42.100	46.000	
I	Dự án chuyển tiếp					140.000	96.500	-	76.500	42.000	21.000	
2	Tuyến đường Chợ Lâm Thượng-Biên Đạm Thủy Nam	Mộ Đức	3,63 km	2017-2018		35.000	35.000	-	20.000	15.000	5.000	HTMT cho huyện
3	Hệ thống tiêu nước nội các xã Đức Phong, Đức Minh, Đức Thắng	Mộ Đức	11 km	2018-2020	2124/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	35.000	35.000		30.000	14.000	8.000	
4	Tuyến đường Đồng thị trấn Mộ Đức (Đường nội thị)	Mộ Đức	1,32 km	2017-2020	2138/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	70.000	26.500		26.500	13.000	8.000	
II	Dự án khởi công mới năm 2019					50.000	50.000	-	45.000	100	25.000	

TT	TÊN DỰ ÁN	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí đến năm 2015	Vốn trung hạn NSDP 2016 - 2020 điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn 03 năm 2016 - 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
					Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách địa phương					
5	Tuyến đường QL 1A - Đá Bạc	Mộ Đức	4,6 km	2019-2021	1931/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	50.000	50.000		45.000	100	25.000	
C	Vốn phân cấp theo Quyết định số 55/2015/QĐ-UBND ngày 15/12/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi										24.545	Bố trí tối thiểu 30% cho xây dựng nông thôn mới; 20% cho Giáo dục - Đào tạo.

Phụ lục

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019

Danh mục dự án sử dụng vốn Khuyến khích đầu tư và tham gia dự án PPP

Nguồn vốn: Cân đối ngân sách địa phương

Đơn vị: UBND huyện Mộ Đức

(Kèm theo Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng



TT	TÊN DỰ ÁN	Kèm theo Quyết định	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh	Lấy kế vốn đã bố trí đến hết 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
			Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách địa phương				
	Tổng cộng			19.000	19.000	-	7.000	7.000	
I	Dự án chuyển tiếp								
1	Đường vào vùng lõi trang trại bò sữa Vinamilk	Mộ Đức		19.000	19.000		7.000	7.000	HTMT cho NS huyện

Phụ lục
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019

Nguồn vốn: Cân đối ngân sách địa phương

Đơn vị: UBND huyện Đức Phổ

(Kèm theo Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	TÊN DỰ ÁN	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí đến năm 2015	Vốn trung hạn NSDP 2016 - 2020 điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn đã giao 03 năm 2016 - 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú	
				Tổng mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách địa phương						
TỔNG CỘNG				189.483	141.510	50.000	91.000	33.100	63.950		
A	Danh mục chuyển tiếp từ năm 2015 sang giai đoạn 2016 - 2020			104.583	66.610	50.000	32.000	13.000	17.500		
1	Trường THPT Lương Thế Vinh, Đức Phổ	Đức Phổ	45 lớp, 2.000 học sinh; 6135m ² sân	92/QĐ-UBND, 16/01/2012	44.577	44.577	28.000	15.000	13.000	500	
2	Hồ chứa nước Cây Xoài	Đức Phổ	Tưới 70ha, cấp nước SH 900m ³ /h gđ	1732/QĐ-UBND ngày 21/11/2014	60.006	22.033	22.000	17.000	-	17.000	Điều chỉnh tăng TMĐT
B	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020				84.900	74.900	-	59.000	20.100	20.000	
I	Dự án đã khởi công mới trong 03 năm 2016 - 2018				49.900	39.900	-	39.000	20.000	10.000	
3	Tuyến đường Võ Trung Thành đến giáp đường tránh Đông (nút 24)	Đức Phổ	1.168,9 m	2017-2020 2136/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	49.900	39.900		39.000	20.000	10.000	
II	Dự án khởi công mới năm 2019				35.000	35.000	-	20.000	100	10.000	

TT	TÊN DỰ ÁN	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí đến năm 2015	Vốn trung hạn NSDP 2016 - 2020 điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn đã giao 03 năm 2016 - 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
					Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách địa phương					
4	Tuyến đường ĐH.417(Phố Ninh - Ba Khâm)	Đức Phổ	5169m	2019-2021	1917/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	35.000	35.000		20.000	100	10.000	
C	Vốn phân cấp theo Quyết định số 55/2015/QĐ-UBND ngày 15/12/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi										26.450	Bố trí tối thiểu 30% cho xây dựng nông thôn mới; 20% cho Giáo dục - Đào tạo.

Phụ lục
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019

Nguồn vốn: Cân đối ngân sách địa phương

Đơn vị: UBND huyện Nghĩa Hành

(Kèm theo Quyết định số 1170/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	TÊN DỰ ÁN	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Số dự án	Đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí đến năm 2015	Vốn trung hạn NSDP 2016 - 2020 điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn đã giao 03 năm 2016 - 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
					Trong đó: Ngân sách địa phương	Trong đó: Ngân sách địa phương					
	TỔNG CỘNG				178.501	141.501	8.150	89.800	29.644	78.726	
A	Bố trí hoàn trả ứng trước									13.000	
1	Hỗ trợ công trình Cầu Sủi Rau, tuyến ĐH57 (ĐT.624-Dốc Nhảy)									8.000	
2	Nâng cấp Đập Đồng Thét									5.000	
B	Danh mục chuyển tiếp từ năm 2015 sang giai đoạn 2016 - 2020				18.502	18.502	8.150	8.300	2.244	6.000	
3	Hồ chứa nước Hồ Số	Chiều dài kênh 3.000 m	2014-2016	1342/QĐ-UBND, 19/9/2014	18.502	18.502	8.150	8.300	2.244	6.000	
C	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020				159.999	122.999	-	81.500	27.400	41.500	
I	Dự án đã khởi công mới trong 03 năm 2016 - 2018				69.999	64.999	-	42.500	27.200	14.500	
4	Đường Tránh lũ Hành Tín Đông - Hành Thiện - Hành Thịnh	11,5 km	2016-2018	1432/QĐ-UBND 08/8/2016	44.999	44.999	-	32.500	27.000	5.500	
5	Đường huyện ĐH.54 (ĐT.624-Nghĩa Kỳ)		2018-2020	1227/QĐ-UBND ngày 29/6/2017	25.000	20.000		10.000	200	9.000	Vượt thu 2017 bố trí 10 tỷ đồng

TT	TÊN DỰ ÁN	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí đến năm 2015	Vốn trung hạn NSDP 2016 - 2020 điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn đã giao 03 năm 2016 - 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
				Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách địa phương					
II	Dự án khởi công mới năm 2019				90.000	58.000	-	39.000	200	27.000	
6	Đường tránh đống huyện Nghĩa Hành	L=2km	2019-2021	1925/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	60.000	48.000		30.000	100	15.000	Vốn tỉnh 60%, vốn huyện 40%
7	Khắc phục kênh N16-2 Thủ Chi - Mường mới, xã Hành Phước	7.000m	2019	373/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	10.000	10.000		9.000	100	9.000	
8	Đầu tư phát triển vùng chuyên canh cây ăn quả huyện Nghĩa Hành									3.000	HTMT cho ngân sách huyện thực hiện
D	Vốn phân cấp theo Quyết định số 55/2015/QĐ-UBND ngày 15/12/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi									18.226	Bố trí tối thiểu 30% cho xây dựng nông thôn mới; 20% cho Giáo dục - Đào tạo.

Phụ lục
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019

Nguồn vốn: Cân đối ngân sách địa phương

Đơn vị: UBND huyện Minh Long

(Kèm theo Quyết định số 174/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	TÊN DỰ ÁN	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí đến năm 2015	Vốn trung hạn NSDP 2016 - 2020 điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn đã giao 03 năm 2016 - 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú	
			Tổng mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách địa phương	Định						
TỔNG CỘNG											
A	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020				114.792	94.805	-	104.200	38.550	53.313	
I	Dự án chuyển tiếp				94.792	74.805	-	70.200	38.200	26.700	
1	Cầu Hóc Nhiêu và đường hai đầu cầu, huyện Minh Long	Minh Long	Cầu 45m, đường 397m	2016-2017	1967/QĐ-UBND, 31/10/2015	14.805	14.805	10.200	10.200	1.700	Trả nợ Quyết toán theo QĐ 2008/QĐ-UBND ngày 12/11/2018
2	Cầu sông Phước Giang (thôn 2 Long Hiệp đi qua)	Minh Long	108m cầu+đường 2 đầu cầu	2017-2020	2147/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	79.987	60.000	60.000	28.000	25.000	
II	Dự án khởi công mới năm 2019				20.000	20.000	-	34.000	350	17.000	
3	Đường Bò hữu sông Phước Giang	Minh Long		2018-2020	1425/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	13.000	13.000	10.000	300	5.000	
4	Kênh thoát lũ hạ lưu suối Đồng Vông	Minh Long	599m	2019	1868/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	7.000	7.000	6.000	50	6.000	
5	Vùng chuyển canh cây Chè, huyện Minh Long	Minh Long						18.000	-	6.000	HTMT cho ngân sách huyện thực hiện
B	Vốn phân cấp theo Quyết định số 55/2015/QĐ-UBND ngày 15/12/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi									9.613	Bố trí tối thiểu 30% cho xây dựng nông thôn mới; 20% cho Giáo dục - Đào tạo.

Phụ lục
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019
 Nguồn vốn: Cân đối ngân sách địa phương
 Đơn vị: UBND huyện Ba Tơ

(Kèm theo Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	TÊN DỰ ÁN	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí đến năm 2015	Vốn trung hạn NSDP 2016 - 2020 điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn 03 năm 2016 - 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú	
				Tổng mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách địa phương						
TỔNG CỘNG					314.495	264.495	-	204.000	79.300	114.516	
A	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020				314.495	264.495	-	204.000	79.300	76.000	
I	Dự án chuyển tiếp				201.786	151.786	-	136.000	79.100	42.000	
1	Đường cứu hộ cứu nạn Ba Tơ - Ba Trang (giai đoạn I)	Ba Tơ	20,227km	2016-2020	1968b/QĐ-UBND ngày 31/10/2015	74.986	74.986	-	65.000	56.000	9.000
2	Đường Ba Tơ - Ba Trang - Ba Khâm (đoạn Ba Trang - Ba Khâm)	Ba Tơ	19,7 km	2017-2020	2064/QĐ-UBND ngày 26/10/2016	120.000	70.000		65.000	20.000	31.000
3	Cầu Nước Sung, xã Ba Vinh	Ba Tơ	45m	2018-2019	1456/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	6.800	6.800		6.000	3.100	2.000
II	Dự án khởi công mới năm 2019				112.709	112.709	-	68.000	200	34.000	
4	Đường Ba Chùa - Hành Tín Đông	Ba Tơ	14,2km	2019 - 2022	1926/QĐ-UBND ngày 31/12/2018	112.709	112.709		60.000	200	30.000
5	Vùng chuyển canh cây Mít thái, huyện Ba Tơ	Ba Tơ						8.000	-	4.000	HTMT cho ngân sách huyện thực hiện
B	Bố trí thực hiện Chương trình ATK									12.000	HTMT cho ngân sách huyện thực hiện
C	Vốn phân cấp theo Quyết định số 55/2015/QĐ-UBND ngày 15/12/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi									26.516	Bố trí tối thiểu 30% cho xây dựng nông thôn mới; 20% cho Giáo dục - Đào tạo.

Phụ lục
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019

Nguồn vốn: Cân đối ngân sách địa phương

Đơn vị: UBND huyện Sơn Hà

(Kèm theo Quyết định số 140/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	TÊN DỰ ÁN	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư	Tổng mức đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí đến năm 2015	Vốn trung hạn NSDP 2016 - 2020 điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn đề giao 03 năm 2016 - 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
					Trong đó: Ngân sách địa phương						
TỔNG CỘNG					186.084	186.084	15.000	123.000	62.900	78.718	
A	Bố trí hoàn trả ứng trước									14.250	
1	Tuyến đường Sơn Thượng - Sơn Tinh									6.250	
2	Tuyến đường ĐH - Làng Trá									8.000	
B	Đanh mục chuyển tiếp từ năm 2015 sang giai đoạn 2016 - 2020				44.484	44.484	15.000	26.000	16.500	5.000	
3	Đường Nghĩa trung liệt sỹ - Nước Rạc	Sơn Hà	472m	2015-2017	1434/QĐ-UBND, 30/9/2011	44.484	44.484	15.000	26.000	16.500	5.000
C	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020					141.600	141.600	-	97.000	46.400	33.000
I	Dự án chuyển tiếp					86.600	86.600	-	74.000	46.000	22.000
4	Đường ĐH 72 (đoạn Sơn Cao - Sơn Kỳ)	Sơn Hà	8,7km	2016-2018	2152/QĐ-UBND ngày 08/7/2016	39.400	39.400	-	32.000	26.000	5.000
5	Đường Sơn Thủy - Giã Gói	Sơn Hà	14km	2017-2020	2087/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	47.200	47.200		42.000	20.000	17.000
II	Dự án khởi công mới năm 2019					55.000	55.000	-	23.000	400	11.000
6	Đường Sơn Thượng - Sơn Tinh	Sơn Hà	14km	2019-2021	1864/QĐ-UBND ngày 10/10/2017	55.000	55.000		15.000	400	7.000
7	Vùng chuyển canh cây Mít thái, huyện Sơn Hà	Sơn Hà						8.000		4.000	HTMT cho ngân sách huyện thực hiện
D	Vốn phân cấp theo Quyết định số 55/2015/QĐ-UBND ngày 15/12/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi									26.468	Bố trí tối thiểu 30% cho xây dựng nông thôn mới; 20% cho Giáo dục - Đào tạo.

Phụ lục
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019
Nguồn vốn: Cân đối ngân sách địa phương

Đơn vị: UBND huyện Sơn Tây

(Kèm theo Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	TÊN DỰ ÁN	Địa điểm xây dựng	Năm lập thiết kế	Số năm thực hiện	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí đến năm 2015	Vốn trung hạn NSDP 2016 - 2020 điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn đã giao 03 năm 2016 - 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú	
					Tổng mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách địa phương						
	TỔNG CỘNG					166.969	159.969	-	143.000	68.000	72.477	
A	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020					166.969	159.969	-	143.000	68.000	57.800	
I	Dự án đã khởi công mới trong 03 năm 2016 - 2018					166.969	159.969	-	123.000	68.000	47.800	
1	Đường Sơn Tinh - Sơn Thượng	Sơn Tây	3km	2016-2018	1966/QĐ-UBND, 30/10/2015	42.000	42.000	-	38.000	36.500	1.500	
2	Đường Sơn Liên - Cầu Tà Meo	Sơn Tây	6,5km	2017-2019	2127/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	67.969	67.969		60.000	25.000	26.300	
3	Đường đô thị 02 (Quảng trường - ĐĐT05)	Sơn Tây	0,9km	2018-2020	1957/QĐ-UBND ngày 24/10/2017	57.000	50.000		25.000	6.500	20.000	
II	Dự án khởi công mới năm 2019					-	-	-	20.000	-	10.000	
4	Vùng chuyên canh cây Cau, huyện Sơn Tây	Sơn Tây							20.000	-	10.000	HTMT cho ngân sách huyện thực hiện
B	Vốn phân cấp theo Quyết định số 55/2015/QĐ-UBND ngày 15/12/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi										14.677	Bố trí tối thiểu 30% cho xây dựng nông thôn mới; 20% cho Giáo dục - Đào tạo.

Phụ lục
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019

Nguồn vốn: Cân đối ngân sách địa phương

Đơn vị: UBND huyện Trà Bồng

(Kèm theo Quyết định số 470/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	TÊN DỰ ÁN	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí đến năm 2015	Vốn trung hạn NSDP 2016 - 2020 điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn đã giao 03 năm 2016 - 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú		
			Tổng mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách địa phương	Ngày ban hành							
TỔNG CỘNG					121.989	121.989	-	109.825	53.300	48.557		
A	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020				121.989	121.989	-	109.825	53.300	33.700		
I	Dự án chuyển tiếp				99.989	99.989	-	84.500	53.200	20.500		
1	Đường Trà Bồi - Núi Cà Đam	Trà Bồng	Đường cấp Iv, chiều dài 14.935 m	2016-2018	1433/QĐ-UBND ngày 8/8/2016	40.000	40.000	-	31.500	28.000	3.500	
2	Đường Trà Tân - Trà Nham	Trà Bồng	7km	2017-2020	2148/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	49.989	49.989		45.000	20.000	15.000	
3	Cầu Suối Nang 2	Trà Bồng	Chiều dài 100m	2018-2019	2329/QĐ-UBND ngày 27/10/2017	10.000	10.000		8.000	5.200	2.000	
II	Dự án khởi công mới năm 2019				22.000	22.000	-	25.325	100	13.200		
1	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Trà Bình đi Trà Tân, huyện Trà Bồng	Trà Bồng		2019-2020	1922/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	22.000	22.000		19.000	100	10.000	
2	Đầu tư phát triển vùng chuyên canh cây quế Trà Bồng	Trà Bồng						6.325	-	3.200	HTMT cho ngân sách huyện thực hiện	
B	Vốn phân cấp theo Quyết định số 55/2015/QĐ-UBND ngày 15/12/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi									14.857	Bố trí tối thiểu 30% cho xây dựng nông thôn mới; 20% cho Giáo dục - Đào tạo.	

Phụ lục
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019

Nguồn vốn: Cân đối ngân sách địa phương

Đơn vị: UBND huyện Tây Trà

(Kèm theo Quyết định số 78/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	TÊN DỰ ÁN	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí đến năm 2015	Vốn trung hạn NSDP 2016-2020 điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn đã giao 03 năm 2016-2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú	
				Tổng mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách địa phương						
TỔNG CỘNG				149.653	149.653	-	142.000	53.200	63.891		
A	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020			149.653	149.653	-	142.000	53.200	50.000		
I	Dự án chuyển tiếp			124.153	124.153	-	113.000	53.000	32.000		
1	Kiến cơ hóa đường Trà Lãnh đi UBND xã Trà Thọ	Tây Trà	3,044km	2016-2018	1968/QĐ-UBND, 31/10/2015	20.952	20.952	-	19.000	17.000	2.000
2	Đường Eo chim - Trà Nham - đóc Bình Minh	Tây Trà	7,1 km	2017-2020	2142/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	63.249	63.249		58.000	20.000	20.000
3	Tuyến đường số 2 trung tâm huyện lỵ Tây Trà	Tây Trà	1,5km	2017-2020	2141/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	39.952	39.952		36.000	16.000	10.000
II	Dự án khởi công mới năm 2019			25.500	25.500	-	29.000	200	18.000		
4	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ngã 3 Trà Xinh đi thôn Trà Ôi, xã Trà Xinh	Tây Trà	3.000m	2019-2020	1394/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	15.000	15.000		13.000	100	8.000
5	Khắc phục các điểm sạt lở trên tuyến đường Trà Phong - Trà Thanh	Tây Trà	2.000m	2019-2020	1393/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	10.500	10.500		10.000	100	7.000
6	Đầu tư phát triển vùng chuyên canh cây quế Tây Trà	Tây Trà						6.000		3.000	HTMT cho ngân sách huyện thực hiện
B	Vốn phân cấp theo Quyết định số 55/2015/QĐ-UBND ngày 15/12/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi								13.891	Bố trí tối thiểu 30% cho xây dựng công thôn mới; 20% cho Giáo dục - Đào tạo.	

Phụ lục
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019
Nguồn vốn: Cân đối ngân sách địa phương
Đơn vị: UBND huyện Lý Sơn

(Kèm theo Quyết định số 1170/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	TÊN DỰ ÁN	Địa điểm xây dựng	Năm lập kế hoạch	Số quyết định đầu tư	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí đến năm 2015	Vốn trung hạn NSDP 2016 - 2020 điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn đã giao 03 năm 2016 - 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
					Tổng mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách địa phương					
	TỔNG CỘNG				382.857	203.855	-	163.000	59.550	81.380	
A	Bổ trí hoàn trả ứng trước									4.350	
1	Hỗ trợ công trình Nhà văn hóa thể thao An Hải, Lý Sơn									4.350	
B	Danh mục chuyển tiếp từ năm 2015 sang giai đoạn 2016 - 2020				148.752	29.750	-	26.000	22.000	-	
2	Nâng cấp tuyến đường Cồn An Vĩnh-Ra đa tâm xa huyện Lý Sơn	Lý Sơn	7.063,27 m	2015-2019	1606/QĐ-UBND ngày 30/10/2014	148.752	29.750	-	26.000	22.000	Giảm kinh phí bồi thường và giảm trừ theo KL kiểm toán
C	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020					234.105	174.105	-	137.000	37.550	66.400
I	Dự án chuyển tiếp					219.999	159.999	-	127.000	37.500	56.400
3	Khu nghĩa địa tập trung huyện Lý Sơn	Lý Sơn	04 ha	2017-2019	2468/QĐ-UBND ngày 27/12/2016	50.000	50.000		45.000	14.500	30.000 KH2019 để hoàn ứng 30 tỷ đồng
4	Nâng cấp tuyến đường giao thông đến các di tích, danh lam thắng cảnh đảo Lý Sơn	Lý Sơn	Chiều dài 1.660 m	2017-2019	2149/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	14.999	14.999		13.500	12.500	1.000
5	Khu Chính trị - Hành chính huyện Lý Sơn	Lý Sơn		2018-2022	2009/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	80.000	80.000		55.000	10.500	20.000

TT	TÊN DỰ ÁN	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí đến năm 2015	Vốn trung hạn NSDP 2016 - 2020 điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn đã giao 03 năm 2016 - 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
					Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách địa phương					
6	Hệ thống trữ nước sinh hoạt, kết hợp tưới tiết kiệm nước cho nông nghiệp đảo Lý Sơn	Lý Sơn	cấp nước 1.000 người và tưới tiết kiệm cho 80ha đất	2018-2020	2040/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	75.000	15.000		13.500		5.400	
II	Dự án khởi công mới năm 2019					14.106	14.106	-	10.000	50	10.000	
7	Khôi phục bộ xương cá Ông Lăng Tân (bao gồm nhà trưng bày)	Lý Sơn	800m2	2019-2020	1468/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	14.106	14.106		10.000	50	10.000	
D	Vốn phân cấp theo Quyết định số 55/2015/QĐ-UBND ngày 15/12/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi										10.630	Bố trí tối thiểu 30% cho xây dựng nông thôn mới; 20% cho Giáo dục - Đào tạo.